

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



DRI

**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN 2022**

Buôn Ma Thuột, tháng 03 năm 2022

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

TT	NỘI DUNG
1	Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên 2022
2	Chương trình Đại hội
3	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2022
4	Quy chế làm việc trực tuyến tại Đại hội
5	Hướng dẫn tham dự Đại hội trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử
6	Các nội dung biểu quyết trực tuyến tại ĐHĐCĐ thường niên 2022
7	Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ III (2022-2027)
8	Thông báo vv đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2022-2027)
9	Dự thảo Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, nhiệm kỳ II (2017-2022) và kế hoạch năm 2022, nhiệm kỳ III (2022-2027)
10	Dự thảo Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022
11	Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ II (2017-2022) và phương hướng năm 2022, nhiệm kỳ III (2022-2027)
12	Báo cáo tóm tắt kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
13	Tờ trình thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 5 năm (2022-2026)
14	Tờ trình thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022
15	Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021
16	Tờ trình thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022
17	Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022
18	Tờ trình sửa đổi một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty
19	Tờ trình về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh
20	Dự thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2022
21	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022

DRI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 59 Cao Thắng -TP. Buôn Ma Thuật-Đắk Lắk

ĐT: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 6001271719

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐHĐCĐ TRỰC TUYẾN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Kính gửi: Cổ đông:
Địa chỉ:.....

Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI) trân trọng kính mời cổ đông tham gia họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2022 theo hình thức trực tuyến với thông tin như sau:

1. Thời gian: 8 giờ 00 đến 12 giờ 00 ngày 19/4/2022

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk
Số 59 Cao Thắng, TP. Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk

Nhằm thực hiện chủ trương phòng dịch COVID - 19 của Chính phủ, căn cứ theo quy định pháp luật, Điều lệ DRI, Công ty không tổ chức đón tiếp cổ đông tại địa điểm họp nêu trên. Quý cổ đông vui lòng đăng ký tham dự và thực hiện biểu quyết các nội dung bằng hình thức trực tuyến.

3. Nội dung họp: Các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, chi tiết tại Website <http://www.dri.com.vn> và xem tại Website: <https://ezgsm.fpts.com.vn>.

4. Đăng ký dự họp: Quý Cổ đông vui lòng Đăng ký dự Cuộc họp ĐHĐCĐ tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> trước ngày 19/04/2022.

5. Ủy quyền tham dự Đại hội: Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông vui lòng đăng ký ủy quyền dự Cuộc họp ĐHĐCĐ tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> và gửi Giấy ủy quyền (theo mẫu từ hệ thống hoặc theo quy định của luật dân sự) đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày 15/04/2022.

6. Biểu quyết: Quý cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> (Thời gian bỏ phiếu điện tử quy định cụ thể tại Quy chế làm việc Cuộc họp ĐHĐCĐ).

7. Liên hệ hỗ trợ: Bà Bùi Thị Tuyết Nhung

Điện thoại: 0262-3867676 Fax: 0262-3865 303 Email: dri@dri.com.vn


Địa chỉ: 59 Cao Thắng, TP. Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk

8. Thông tin đăng nhập hệ thống Đại hội cổ đông trực tuyến tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn>

Tên đăng nhập :

Mật khẩu :

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Các cổ đông;
- Lưu: VT- CT.

- Tài liệu đính kèm: Mẫu Giấy ủy quyền, chương trình họp;
- Theo Danh sách cổ đông chốt ngày 21/3/2022.



Nguyễn Việt Trường



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
(Ngày 19 tháng 4 năm 2022)

Thời gian	Nội dung
8h0-8h30	Khai mạc đại hội <ul style="list-style-type: none">○ Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu○ Thông qua biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty○ Giới thiệu Đoàn chủ tịch (BQ) – Đoàn Chủ tịch lên làm việc, chủ tọa đề cử Ban thư ký của Cuộc họp.○ Khai mạc Cuộc họp○ Thông qua Chương trình họp, Quy chế làm việc, Quy chế biểu quyết, Quy chế bầu cử của Cuộc họp (BQ)○ Bầu Ban kiểm phiếu, đề cử BKP và biểu quyết
8h30- 10h	HĐQT, trưởng ban KS, Ban điều hành trình bày các báo cáo và xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ <ul style="list-style-type: none">○ Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2021, nhiệm kỳ 2 (2017-2022) và kế hoạch năm 2022, nhiệm kỳ 3 (2022-2027);○ Báo cáo của Ban điều hành về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng 2022;○ Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Kiểm toán độc lập;○ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ 2 và phương hướng năm 2022, nhiệm kỳ 3;○ Thảo luận và giải đáp thắc mắc của cổ đông;○ Biểu quyết thông qua các nội dung được báo cáo và đề xuất trong các báo cáo đã trình bày tại Cuộc họp;<ul style="list-style-type: none">+ Báo cáo của HĐQT;+ Báo cáo của Ban TGD;+ Báo cáo tài chính 2021 được kiểm toán;+ Báo cáo của Ban Kiểm soát;+ Tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;+ Tờ trình về thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty;+ Tờ trình thông qua một số chỉ tiêu sxkd nhiệm kỳ 3;+ Tờ trình thông qua chỉ tiêu sxkd năm 2022;+ Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2021;+ Tờ trình Thù lao HĐQT, Ban KS năm 2022;+ Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2022;
10h-10h30	<ul style="list-style-type: none">○ Hướng dẫn biểu quyết, tổ chức biểu quyết thông qua báo cáo và các tờ trình (Đọc + chiếu slide);○ Kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết (Đọc + chiếu slide).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
Địa chỉ: 59 Cao Thắng-TP. Buôn Ma Thuật-Tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 0262-3867676 - Fax: 0262-3865303
Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

10h30-11h15	Bầu cử HĐQT và Ban Kiểm soát + Hướng dẫn về bầu cử (Đọc + chiếu slide); + ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử HĐQT-BKS ; + Kiểm phiếu và Đọc biên bản kiểm phiếu kết quả bầu HĐQT, Ban KS (Đọc và chiếu trên màn hình)
11h15-11h30	Giải lao, HĐQT nhiệm kỳ 3 họp phiên đầu tiên.
11h30- 11h50	- HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới ra mắt và nhận nhiệm vụ; - Trao hoa và quà những thành viên không tái cử; - Đọc Quyết định khen thưởng và khen thưởng nhiệm kỳ 2.
11h50-12h00	Bế mạc Cuộc họp <ul style="list-style-type: none">○ Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ○ Tuyên bố bế mạc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
Địa chỉ: 59 Cao Thắng-TP. Buôn Ma Thuột-Tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 0262-3867676 - Fax: 0262-3865303
Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

GIẤY ỦY QUYỀN
Tham dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK (DRI)

Tên cổ đông :Mã cổ đông.....
Số ĐKKD/CMND/CCCD :..... Ngày cấp :.....Nơi cấp :
Người đại diện (đối với tổ chức) :Chức vụ :
Địa chỉ thường trú/Trụ sở chính :
Số điện thoại :
Số cổ phần sở hữu: (Bằng chữ :.....)

Tôi/Chúng tôi đồng ý ủy quyền cho một trong những người có tên dưới đây có toàn quyền thay mặt tôi/chúng tôi tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Cổ Đông theo quy định của Điều lệ Công ty DRI tại Hội Nghị Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2022 được tổ chức ngày 19/4/2022.

Thông tin người được ủy quyền:

1. Ủy quyền cho ông/bà sau:

Họ và tên:
Số ĐKKD/CMND/CCCD :..... Ngày cấp :.....Nơi cấp :
Địa chỉ thường trú :
Số điện thoại :

2. Ủy quyền cho người quản lý Công ty:

	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần ủy quyền
1	Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch HĐQT	
2	Lê Thanh Cần	Tổng giám đốc DRI	

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại gì đối với công ty.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc Hội nghị .

....., ngày __ tháng __ năm 2022

CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì người ký bên ủy quyền phải là người đại diện theo pháp luật;
2. Giấy ủy quyền gửi về văn phòng DRI trước 15/4/2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮC LẮK

Địa chỉ: 59 Cao Thắng - TP. Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk

ĐT: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC

**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮC LẮK**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Nhằm đảm bảo Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Cuộc họp như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk và khách mời tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Hệ thống livestream cuộc họp ĐHĐCĐ : Hệ thống phát sóng video Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp trên website www.ezgs.m.fpts.com và www.youtube.com

Điều 4. Điều kiện tiến hành Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp phải triệu tập lại Cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết;
- Trường hợp Cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Cuộc họp, Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 21/03/2022 đều có quyền tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
- Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:
 - Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
 - Cách thức thực hiện: Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện đăng ký tham dự.

Điều 6. Khách mời tại Cuộc họp

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Cuộc họp không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Cuộc họp.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Cuộc họp (trừ trường hợp được Chủ tọa Cuộc họp mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Cuộc họp và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.
- Đoàn chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Cuộc họp. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Viết Tương – Chủ tọa	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bùi Quang Ninh – Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Lê Thanh Cần – Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị, TGD

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều khiển Cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Cuộc họp;
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Cuộc họp biểu quyết;
 - Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để ĐHĐCĐ biểu quyết (nếu có);
 - Hướng dẫn Cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Cuộc họp ;
 - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Cuộc họp;

- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của ĐHĐCĐ sau khi kết thúc Cuộc họp;
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Cuộc họp gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Thạc Hoàn - Trưởng ban	Trưởng ban kiểm soát
2	Phan Thanh Tân – Thành viên	Kiểm soát viên

- Nhiệm vụ:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông dự họp trực tuyến;
 - Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến;
 - Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành;
 - Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Cuộc họp ĐHĐCĐ:

- Ban thư ký của Cuộc họp bao gồm một hoặc một số người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hải – Trưởng ban	Phó TGD DRI
2	Bùi Thị Tuyết Nhung – Thành viên	Trưởng bộ phận HC-NS

- Nhiệm vụ:
 - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các đại biểu tham dự, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
 - Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Cuộc họp.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên.
- Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Lê Thanh Cường – Trưởng ban	Kế toán trưởng
2	Đỗ Thị Ninh - Thành viên	Nhân viên kế toán DRI
3	Nguyễn Văn Thảo – Thành viên	Kiểm soát viên

- Nhiệm vụ:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Cuộc họp;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo ĐHĐCĐ những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Cuộc họp

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Chỉ có đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn> hoặc gửi email (chỉ chấp nhận email gửi do đại biểu đã đăng ký) về địa chỉ: dri@dri.com.vn (trước giờ thảo luận).
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Cuộc họp sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết tại Cuộc họp

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Cuộc họp đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu có thể bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu bỏ phiếu điện tử tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn>

2. Bỏ phiếu điện tử:

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Cuộc họp đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Sau đó, đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết theo nội dung chương trình Cuộc họp thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề đó.
 - Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Cuộc họp đã gửi, đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Cuộc họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm Chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ; Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử tại Cuộc họp; thông qua Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 8h00 ngày 17/04/2022 đến trước khi ĐHĐCĐ thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 01 vào ngày 19/04/2022.
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 02 (gồm các Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc; các Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị; các Báo cáo của Ban Kiểm Soát và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 8h00 ngày 17/04/2022 đến trước khi ĐHĐCĐ thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 02 vào ngày 19/04/2022.
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 03 (Bầu cử nhân sự): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 8h00 ngày 17/04/2022 đến trước khi ĐHĐCĐ thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 03 vào ngày 19/04/2022.
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 04 (Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 8h00 ngày 17/04/2022 đến trước khi ĐHĐCĐ thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 04 vào ngày 19/04/2022.

- Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử (theo hướng dẫn trong thư mời họp) và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ đại biểu.

3. Thể lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 21/03/2022) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 73.200.000 cổ phần tương đương với 73.200.000 quyền biểu quyết.
- Mỗi quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Cuộc họp ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Cuộc họp.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế này được đọc công khai trước Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

CHỦ TỊCH HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 59 Cao Thắng -TP. Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk

ĐT: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

Phụ lục 1 :

HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty DRI tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk (sau đây gọi là Công ty).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- a. “**Đại biểu**” là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).
- b. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia thông qua mạng internet để thực hiện các quyền biểu quyết hoặc bầu cử của mình.
- c. “**Bỏ phiếu điện tử**” là việc đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết hoặc bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
- d. “**Hệ thống bỏ phiếu điện tử**” là hệ thống cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- e. “**Yếu tố định danh**” là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
- f. “**Sự kiện bất khả kháng**” là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.

g. “**Bầu đôn đều**” là cách thực hiện của phương thức Bầu đôn phiếu mà đại biểu đôn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.

h. “**Bầu ghi số**” là cách thực hiện của phương thức Bầu đôn phiếu mà đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của đại biểu đại diện.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty thực hiện các quy định theo Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Điều kiện, cách thức đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

a. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Yêu cầu kỹ thuật:

- Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

c. Cách thức thực hiện:

- Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Điều 5, Quy chế này để tham dự họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 5. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

c. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 6. Cách thức ghi nhận đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến, đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 5, Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến

a. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 20 Điều lệ Công ty.

b. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

c. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu và giấy chứng nhận kinh doanh (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc Cuộc họp ĐHĐCĐ khai mạc chính thức (gửi Giấy ủy quyền đến Công ty bằng đường bưu điện, hoặc gửi bằng hình thức trực tuyến như: fax, email, Zalo...)

d. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc Cuộc họp ĐHĐCĐ khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

e. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết hoặc bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử:

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc tại Cuộc họp ĐHĐCĐ. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ đại biểu.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu điện tử

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Cuộc họp ĐHĐCĐ đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Điều lệ Công ty không có quy định việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức thông thường (bầu theo nguyên tắc đa số) thông qua phiếu bầu cử với 03 (ba) lựa chọn tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến. Việc bầu sẽ thực hiện lần lượt theo từng ứng cử viên hoặc toàn bộ ứng cử viên; cổ đông thể hiện ý kiến của mình bằng việc lựa chọn vào nội dung tương ứng trên Phiếu bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế, Thẻ lệ bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua. Mỗi ý kiến của cổ đông được tính tỷ lệ trên toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Cuộc họp ĐHĐCĐ đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết bầu cử theo nội dung chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ, thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ đã gửi, đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

Khi đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các đại biểu tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 10, Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều lệ Công ty.

Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

a. Việc ghi biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.

b. Việc lập biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

c. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

d. Hình thức thông qua biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

a. Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

b. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

c. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của đại biểu nếu như nguyên nhân là do đại biểu.

Điều 14. Thảo luận tại Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Chỉ có đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa;

b. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 15. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

a. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Cuộc họp, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác....

b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Cuộc họp có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Cuộc họp, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập gần nhất.

CHƯƠNG III - ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 16. Điều khoản khác

Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Phụ lục này, mặc nhiên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

a. Phụ lục này này gồm 3 Chương, 17 Điều, kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi được thông qua Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ban hành.

b. Đại biểu, các cá nhân, tổ chức, phòng ban liên quan đến Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Phụ lục này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD;

- Lưu HC.

Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 3 năm 2022

**CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TRỰC TUYẾN
TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2022**

(Ngày 19 tháng 4 năm 2022)

TT	Nội dung biểu quyết	Tỷ lệ thông qua
I	PHẦN KHAI MẠC	
1	Biểu quyết cử Đoàn chủ tọa cuộc họp.	50%
2	Biểu quyết thông qua các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">- Chương trình cuộc họp;- Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ trực tuyến;- Quy chế biểu quyết trực tuyến;- Quy chế bầu cử trực tuyến;- Bầu Ban kiểm phiếu.	50%
II	PHẦN NỘI DUNG CHÍNH	
1	Biểu quyết thông qua các báo cáo tại cuộc họp: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, nhiệm kỳ (2017-2022), phương hướng năm 2022, nhiệm kỳ (2022-2027);- Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng 2022;- Tóm tắt BCTC kiểm toán năm 2021 thực hiện bởi Công ty kiểm toán AFC;- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ (2017-2022), phương hướng năm 2022, nhiệm kỳ (2022-2027).	50%
2	Biểu quyết thông qua các tờ trình gồm: <ol style="list-style-type: none">1) Tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;2) Tờ trình thông qua một số chỉ tiêu sxkd 5 năm (2022-2026);3) Tờ trình thông qua chỉ tiêu sxkd năm 2022;4) Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2021;5) Tờ trình Thù lao HĐQT, Ban KS năm 2022;6) Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2022;	50%
	7) Tờ trình về thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty;	65%
III	PHẦN BẾ MẠC CUỘC HỌP	
1	Biểu quyết thông qua Biên bản cuộc họp.	50%
2	Biểu quyết thông qua Nghị quyết cuộc họp.	50%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮC LẮK

Địa chỉ: 59 Cao Thắng -TP. Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk

ĐT: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ III (2022 – 2027) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮC LẮK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Ban Kiểm phiếu Cuộc họp ĐHĐCĐ công bố Quy chế đề cử, ứng cử bầu Hội đồng Quản trị tại Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Cuộc họp ĐHĐCĐ:

Chủ tọa tại Cuộc họp có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT: 7 người
- Nhiệm kỳ: 2022 - 2027
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ công ty)

- Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.
- Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị:

Ứng cử viên tham gia HĐQT ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện *theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/ND-CP, cần có thêm các điều kiện sau đây theo quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Điều 8-Quy chế QTNB):*

- + Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;
- + Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
- + Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
- + Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
- + Phán quyết chuẩn xác;
- + Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;
- + Kỹ năng giao tiếp tốt.
- + Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác

IV. Quy chế đề cử ứng cử Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát bổ sung: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2022 - 2027

- Số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử BKS: (theo Điều 36 Điều lệ công ty)

- Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.
- Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát:

Ứng cử viên tham gia BKS phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/ND-CP và Điều 37 Điều lệ Công ty):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ, của người đại diện phần vốn doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại Công ty.
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

V. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

VI. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14)
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Đại biểu tham dự trực tuyến truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành lại việc bầu cử của mình (lưu ý đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể ở Quy chế làm việc Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022).
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể ở Quy chế làm việc Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022).

VII. Phiếu bầu cử

Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là **Phiếu bầu cử trực tuyến**
- Trong trường hợp, cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

VIII. Thực hiện bầu cử và xác định kết quả

1. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - Đại biểu bầu số ứng cử viên tối đa bằng số thành viên cần bầu.
 - Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng cử viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng cử viên tương ứng.
 - Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng cử viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng cử viên tương ứng.
- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm

phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết quả kiểm phiếu.
 - Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
 - Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
- 2. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên** (Theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14)

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

IX. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT và BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo phụ lục 1, 2, 3);
- Sơ yếu lý lịch (theo phụ lục 4);
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú;
- Bảng cam kết (theo phụ lục 5);
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong điều lệ công ty quy định.
- Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk **trước 17h00 ngày 06/04/2022** theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Địa chỉ: 59 Cao Thắng -TP. Buon Ma Thuột-Đắk Lắk

Điện thoại: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk tại Cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

.....
.....
.....

Căn cứ Thông báo số...../TB-CT ngày...../...../..... về công bố tổ chức Đại hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp hiện hành. Tôi nhận thấy mình có đủ tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) nhiệm kỳ 3 (2022-2027) của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk (DRI)

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp. Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ỨNG CỬ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản cam kết;

.....
.....
.....
.....
Căn cứ Thông báo số...../TB-CT ngày...../...../..... về công bố tổ chức Đại hội Đồng cổ
đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp
hiện hành. Tôi nhận thấy mình có đủ tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử vào Ban kiểm soát
nhiệm kỳ 3 (2022-2027) của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk (DRI)

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung
cấp. Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát tôi xin
đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk.

Xin trân trọng cảm ơn

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản cam kết.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮC LẮK

Địa chỉ: 59 Cao Thắng -TP. Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk

ĐT: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

....., ngày.....tháng.....năm.....

Phụ lục 3

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
(Áp dụng cho Cổ đông/nhóm cổ đông)**

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Cổ đông/ nhóm cổ đông gồm:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Chữ ký
1					
2					
3					
4					
5					

Căn cứ Thông báo số...../TB-CT ngày....../...../..... về tổ chức cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế biểu quyết trực tuyến tại cuộc họp Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk,

Chúng tôi cùng thống nhất như sau:

1. Thống nhất cử Ông/bà với thông tin sau làm đại diện nhóm thực hiện các thủ tục đề cử người tham gia HĐQT/BKS Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk nhiệm kỳ 3 (2022-2027)
 - Họ và tên:
 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
 - Ngày cấp.....Nơi cấp.....
 - Địa chỉ thường trú:.....
2. Thống nhất đề cử các ông/bà có tên sau vào HĐQT và BKS DRI nhiệm kỳ 3 (2022-2027) gồm:
 - 2.1 Đề cử vào HĐQT:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ thường trú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				

2.2 Đề cử vào Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ thường trú
1				
2				
3				
4				
5				

Tôi/chúng tôi cam đoan các ông/bà có tên trên có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của Quy chế bầu cử trực tuyến tại cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đăk Lăk tổ chức ngày 19/4/2022.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo

NGƯỜI/TỔ CHỨC ĐỀ CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức))

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản cam kết của từng ứng viên.

11. Chức vụ hiện tại trong Công ty (DRI):.....

12. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:.....

13. Số cổ phần nắm giữ:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm): cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

+ *Đại diện sở hữu:* cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

14. Các cam kết nắm giữ (nếu có)

15. Các lợi ích có liên quan đến công ty DRI (nếu có)

16. Danh sách người có liên quan nắm giữ cổ phần DRI

1. Mỗi quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ:

..... CP, chiếm% vốn điều lệ).

2. Mỗi quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ:

..... CP, chiếm% vốn điều lệ).

3.

Tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

....., ngày ... tháng ... năm 2022

Hồ sơ đính kèm:

1. Bản sao CMND/CCCD/Hội chiếu;
2. Bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
3. Hộ khẩu (bản photo)

Ứng cử viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 5

BẢN CAM KẾT
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 3 (2022 – 2027)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Tên tôi là:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Số CMND/CCCD:

Quê quán:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ chuyên môn:

Hiện đang giữ chức vụ:

Đơn vị công tác hiện nay:

Nếu được trúng cử làm Thành viên HĐQT, tôi cam kết:

1. Đem hết năng lực và trách nhiệm của bản thân để góp phần xây dựng Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk phát triển ổn định, bền vững;
2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định của điều lệ công ty, các quy chế quản lý nội bộ và quy định của Pháp luật;
3. Cung cấp các thông tin cá nhân cho việc quản lý của Công ty theo quy định trung thực, chính xác.

Trân Trọng!

....., ngày tháng năm 20....

NGƯỜI CAM KẾT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: 14/TB-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 17 tháng 03 năm 2022

THÔNG BÁO

**V/v Đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT, BKS
Nhiệm kỳ III (2022-2027)**

Kính gửi: Quý cổ đông

- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001271719 ngày 24/2/2012 của Sở kế hoạch & Đầu tư Đắk Lắk về việc cấp giấy phép hoạt động cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua;

- Căn cứ các nội dung đã thông qua tại cuộc họp HĐQT ngày 16/3/2022;

HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2017-2022) đến thời điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, sẽ kết thúc nhiệm kỳ. Vì vậy, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 tổ chức ngày 19/4/2022 ngoài các nội dung tổ chức theo quy định của ĐHĐCĐ thường niên, tại kỳ họp này sẽ tiến hành bầu HĐQT, Ban KS nhiệm kỳ III (2022-2027);

Để chuẩn bị cho việc bầu cử HĐQT, Ban KS nói trên, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk thông báo đến quý cổ đông về việc ứng cử và đề cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát như sau:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát theo quy định tại điều 26 và điều 37 Điều lệ Công ty (tham khảo trên Website www.dri.com.vn). Tuy nhiên, tại cuộc họp HĐQT ngày 16/3/2021, dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ sửa đổi Điều lệ Công ty đối với khoản 1, điều 37 thành: "Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế" để phù hợp theo khoản 1 điều 168 Luật DN 2020. Do đó có thể giới thiệu lại các thành viên Ban Kiểm soát hiện của Nhiệm kỳ 2.

2. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2022-2027) theo quy định của khoản 1 điều 26- Điều lệ DRI là 7 thành viên; Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ III (2022-2027) theo quy định của khoản 1 điều 37- Điều lệ DRI là 3 thành viên; Bầu cử theo phương pháp bầu dồn phiếu.

3. Cơ cấu thành viên HĐQT: Hiện nay DRI đang nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Theo quy định của khoản 5 điều 13-NĐ 71/2017/NĐ-CP : "Cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty niêm yết phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập", tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT quy định tại khoản 2 điều 155- Luật DN 2020. Như vậy với số lượng TV.HĐQT là 7 người thì phải có tối thiểu 2 người.

4. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Ban KS theo quy định tại điều 25 điều 26, 36 và điều 37, Điều lệ DRI.

5. Đề nghị cổ đông/nhóm cổ đông hoàn thiện hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT (bao gồm cả TV.HĐQT độc lập), Ban KS theo quy định phần IX - Quy chế bầu cử trực tuyến, đã được HĐQT thông qua ngày 16/3/2022, dự kiến trình cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022. Quý cổ đông xem Quy chế bầu cử trực tuyến và tải các biểu mẫu tại website Công ty www.dri.com.vn.

6. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Ban KS đề nghị gửi về thư ký HĐQT trước **10 ngày khai mạc đại hội** (chậm nhất là vào ngày 06/4/2022) để HĐQT xem xét đưa vào danh sách chuẩn bị cho việc bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện công bố thông tin theo quy định. (Hồ sơ dán kín và gửi theo địa chỉ: Thư ký HĐQT, Công ty DRI, 59 Cao Thắng, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk).

7. Trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông không ứng cử, đề cử, hoặc đề cử, ứng cử không đủ theo số lượng dự kiến tại mục 2 thì số lượng còn thiếu sẽ do HĐQT, Ban KS đề cử.

Đề nghị cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử nhân sự thành viên HĐQT và BKS theo quy định.

Công văn này thay thế Công văn số 11/CV-HĐQT ngày 02/03/2022 về ứng cử đề cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2022-2027).

Trân trọng!

Nơi nhận: *Thal*

- Các cổ đông;
- Lưu: VT- CT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CAO SU
ĐẮK LẮK
T. BUÔN MA THUỘT - T. ĐẮK LẮK
NGUYỄN VIỆT TƯỢNG



Số:/BC-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày tháng 04 năm 2022.

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021 & NHIỆM KỲ II (2017-2022);
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022 & NHIỆM KỲ III (2022-2027)
(Dự thảo)

Kính thưa: - Đoàn Chủ tịch.

- Kính thưa quý vị cố đồng dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

Thực hiện Điều lệ Công ty, thay mặt HĐQT tôi báo cáo trước cuộc họp ĐHĐCĐ. về hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2022-2027 với các nội dung chủ yếu như sau

PHẦN I
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021
VÀ NHIỆM KỲ II (2017-2022)

I. Tóm tắt kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021

Năm 2021, làn sóng covid-19 thứ 4 ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam, chuỗi cung ứng bị đứt gãy trầm trọng hơn, nhiều doanh nghiệp phải dừng sản xuất vì thực hiện giãn cách xã hội, chi phí đầu vào tăng cao, bào mòn sức chống đỡ của hầu hết các doanh nghiệp; tình trạng thiếu container rỗng, thiếu tàu vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện, chi phí logistic tăng cao; giá vật tư, phân bón... đầu vào tăng làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có DRI.

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, chính quyền địa phương tại Lào và Việt Nam nhiều lần thực hiện giãn cách xã hội, Công ty gặp khó khăn trong công tác huy động nhân công; dịch bệnh xâm nhập vào Nhà máy, Nông trường tại Lào, có thời điểm phải ngừng sản xuất; thời tiết diễn biến bất thường, gió lốc làm gãy đổ cây cao su tại Lào; ảnh hưởng đến sinh trưởng vườn chuối tại Cư Kpô, Krông Buk..., làm giảm sản lượng mủ cao su và chuối... Chính sách giãn cách xã hội và liên tục đóng cửa biên giới giữa Việt Nam và Nước bạn Lào đã ảnh

hưởng đến công tác lưu thông và xuất khẩu hàng hóa và công tác quản lý điều hành của Công ty;

Tuy nhiên, Ngành cao su nói chung và DRI nói riêng có sự thuận lợi khi giá cao su dần hồi phục từ cuối năm 2019 và đến nay vẫn giữ mức cao ổn định. Vườn cây hầu hết đã đi vào chu kỳ kinh doanh không phải đầu tư cơ bản nhiều nên dòng tiền được cải thiện ngày một tốt hơn; mặc dù sản lượng không đạt kế hoạch, song kết quả kinh doanh của DRI đã đạt được những thành tích ấn tượng khi chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch được giao, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận đạt 191,8% và 342,1% so cùng kỳ. Tỷ lệ xuất khẩu và thị phần đều tăng trưởng dương so với năm 2020.

Cụ thể kết quả kinh doanh một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So với KH 2021	So với TH 2020
1	Sản lượng						
	<i>Cao su</i>	Tấn	15.206	16.500	15.439	93,6%	101,5%
	<i>Điều</i>	Tấn	218,57	209	234,16	112%	107,13%
	<i>Chuối</i>	Tấn	3.268	4.800	3.306	68,9%	101,2%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	441,4	586,875	597,927	101,9%	135,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33,993	52,753	116,299	191,8%	342,1%
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	62,88%	65%	65,59 %	100,91%	104,31%

Bên cạnh đó thu nhập và các chế độ người lao động đều đảm bảo và tăng trưởng so với năm 2020. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước Lào và nhà nước Việt Nam theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Trong năm 2021, HĐQT đã ban hành 11 nghị quyết, trong đó có 05 cuộc họp và 06 lần lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét đánh giá và thông qua các quyết định liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty; trình ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ, các quy chế cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019; theo đó HĐQT đã ban hành Quy chế Công bố thông tin sửa đổi. Hầu hết các thành viên HĐQT đều tham dự, tham gia đóng góp ý kiến với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đưa ra những định hướng, tháo gỡ những khó khăn nhằm giúp Ban điều hành hoàn thành tốt các mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ II (2017-2022):

1- Về công tác tổ chức: Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2017-2022) được Đại hội đồng Cổ đông bầu vào ngày 17/4/2017 gồm 7 thành viên, trong nhiệm kỳ HĐQT có một số thay đổi như sau:

- Miễn nhiệm 1 thành viên do có đơn xin thôi làm thành viên HĐQT là Ông Nguyễn Huy Hùng (ngày 5/4/2019)

- Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT thay ông Nguyễn Huy Hùng là Ông Nguyễn Trần Giang (ngày 5/4/2019)

Từ tháng 4/2019 đến nay HĐQT gồm 07 thành viên sau:

Ông Nguyễn Việt Tượng – Chủ tịch HĐQT

Ông Bùi Quang Ninh – Phó CT. HĐQT

Ông Lê Thanh Cần – Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Kim Hoa – Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Hải – Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Trần Giang – Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Minh – Thành viên HĐQT

2- Kết quả làm việc của HĐQT nhiệm kỳ II (2017-2022):

2.1- Đánh giá những khó khăn và thuận lợi:

@/ Khó khăn:

- Tình hình thời tiết cực đoan, mưa, lũ lụt và giông lốc gây gãy đổ cao su, tình hình bệnh vườn cây, dịch bệnh covid-19 năm 2020 - 2021 dẫn đến thiếu lao động do giãn cách xã hội, chi phí đầu vào và dịch vụ logistic tăng, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của Công ty trong đó tác động tiêu cực đến chỉ tiêu sản lượng;

- Giá cao su liên tục giảm ở những năm đầu của nhiệm kỳ tác động tiêu cực đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận;

- Dự án nông nghiệp công nghệ cao không đạt như kỳ vọng, sản lượng không cao, do thời tiết bất lợi, dịch bệnh cây trồng nhiều; giá bán sản phẩm thấp;

- Dự án cao su tại Daklaoruco thiếu nhân lực quản lý có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, việc tuyển dụng khó khăn do cách trở về địa lý, tình trạng biến động lao động lớn, do hầu hết đội ngũ lao động gián tiếp là người Việt... Tuyển dụng và sử dụng cán bộ quản lý người Lào gặp nhiều khó khăn. Vườn cây cao su bị ảnh hưởng gió lốc, phát sinh bệnh; lao động khai thác mủ không ổn định, chất lượng mủ thấp, nên sản lượng mủ không đạt kỳ vọng. Lạm phát của Lào ngày một tăng, đồng kip Lào bị mất giá ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động, đặc biệt là người Việt Nam làm việc tại Lào. Lỗ chênh lệch tỷ giá giữa VND và kip Lào ngày càng nhiều, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty. Ảnh hưởng dịch Covid-19, nên hai năm cuối nhiệm kỳ HĐQT và Ban Điều hành Công ty mẹ không có điều kiện đi thực tế để chỉ đạo tại Daklaoruco.

@/ Thuận lợi:

- Vườn cao su đã đi vào chu kỳ kinh doanh ổn định không còn đầu tư nhiều, dòng tiền ngày một tốt hơn; năng suất bình quân mủ cao su của vườn cây trên 1,8 tấn/ha.

- Tỷ trọng xuất khẩu ngày càng cải thiện và duy trì ổn định ở mức 60%-65% tổng lượng hàng xuất bán, sản phẩm của DRI đã xâm nhập vào thị trường khó tính như Mỹ, EU, Đài loan, Hàn quốc,... với thị phần ngày càng tăng trưởng;

- HĐQT đã định hướng phát triển công ty theo hướng công nghệ xanh, phát triển bền vững với mục tiêu được chứng nhận FSC cho sản phẩm gỗ, mủ vườn cây cao su tại Lào, nhà máy chế biến và mảng thương mại của DRI;

- Đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Công ty mẹ là những người có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm lâu năm trong ngành cao su, sâu sát tình hình.

2.2 Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong nhiệm kỳ:

Kết quả các chỉ tiêu chính 5 năm từ 2017 đến 2021:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 5 năm	Thực hiện 5 năm	%/TH
Tổng sản lượng cao su (tấn)	90.400	82.667	91,44%
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	3.737,92	2674,59	71,55%
Giá bán BQ (USD/tấn)	1.800	1.443,68	80,2%
Tổng Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.161	420,29	36,20%
Chia cổ tức bình quân (%)	11,8%	5,74%	48,64%

(Chi tiết tham khảo phụ lục 1)

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các chỉ tiêu đạt thấp:

- Trong cả nhiệm kỳ, chỉ năm 2017 sản lượng mủ cao su khai thác vượt 19,22% kế hoạch, theo đó với kỳ vọng cao, nên việc xây dựng kế hoạch cao, không lường hết tình trạng tác động cực đoan của thời tiết và dịch bệnh vườn cây, dịch bệnh Covid-19, thiếu hụt lao động, dẫn đến các năm còn lại đều không hoàn thành kế hoạch đề ra. Mặt khác, tiến độ diện tích cao su đưa vào khai thác hàng năm thấp hơn kế hoạch đề ra là những nguyên nhân làm sản lượng khai thác chỉ đạt 91,44% kế hoạch;

- Giá bán theo kế hoạch được lập ổn định bình quân trong 5 năm là 1.800 USD/tấn, tuy nhiên thực tế giá cao su liên tục đi xuống, có thời điểm Công ty không bán được hàng và chỉ dần hồi phục từ cuối năm 2019 đến nay. Giá bán bình quân cả nhiệm kỳ bằng 80,2% giá kế hoạch cùng với sản lượng khai thác không đạt chính là nguyên nhân làm chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đều không đạt kế hoạch đề ra;

- Ngoài ra một số yếu tố trọng yếu làm bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp, tỷ lệ chia cổ tức như lỗ chênh lệch tỷ giá, xử lý thiệt hại đầu tư, do phải thanh lý trồng lại những diện tích cao su bị gãy đổ vì gió lốc,..

- Dự án trồng cây ăn quả đang trong giai đoạn đầu tư, đối với sản phẩm chuối, sản lượng không đạt, do thời tiết không thuận lợi và dịch bệnh, thiếu lao động khi bị giãn cách xã hội vì dịch Covid-19...; giá bán thấp, không đạt kỳ vọng.

Ngoài việc tập trung chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu chính của ĐHCĐ đề ra, trong nhiệm kỳ II (2017-2022), HĐQT đã thông qua những quyết định sau:

- Phê duyệt các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính hàng năm trình ĐHCĐ thường niên để quyết định;

- Thông qua chủ trương đưa Công ty trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn và giao dịch trên sàn UPCOM từ 23/05/2017;

- Xây dựng trụ sở mới Công ty và chuyển địa điểm Văn phòng làm việc DRI về 59- Cao Thắng- Phường Tân An- Tp Buôn Ma Thuột- Tỉnh Đắk Lắk;

- Thông qua đại hội cổ đông Phê duyệt Phương án thanh lý tái canh vườn cây cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco;

- Kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý tại Công ty mẹ DRI và công ty con Daklaoruco;

- Quyết định đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp CNC, hiện nay DRI góp vốn 21 tỷ đồng (chiếm 80,77% vốn điều lệ) để thành lập Công ty con là Công ty TNHH Nông Nghiệp Công Nghệ Cao DRI chuyên về trồng, thu hoạch và tiêu thụ chuối quả, sầu riêng và các loại trái cây khác phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước,

- Quyết định đưa công ty phát triển theo hướng bền vững với mục tiêu được chứng nhận FSC cho sản phẩm gỗ, mủ cao su đối với diện tích cao su trồng tại Daklaoruco, nhà máy chế biến và mảng thương mại của DRI;

- Quyết định việc đăng ký niêm yết cổ phiếu DRI tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thực hiện chậm nhất quý 2/2022.

- Trình cho ĐHCĐ và ban hành Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo hoạt động giám sát của HĐQT và hoạt động của HĐQT công khai, minh bạch, sát tình hình thực tiễn của Công ty; đồng thời đưa ra các quyết định nhằm hỗ trợ cho công tác điều hành của Công ty DRI và Daklaoruco được thuận lợi;

3- Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Nhiệm kỳ 2 là nhiệm kỳ hết sức khó khăn đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk do giá mủ cao su liên tục giảm, sản lượng không hoàn thành do tình hình thời tiết, dịch bệnh. Dự án cao su nằm tại nước ngoài khó khăn về nguồn nhân lực quản lý, bất đồng về ngôn ngữ, lao động trực tiếp là người Lào có tập

quán sản xuất lạc hậu, nghỉ lễ và việc riêng nhiều... Tuy nhiên, Ban Điều hành đã khắc phục khó khăn, tập trung chỉ đạo triển khai nhiệm vụ sát với tình hình thực tế, tiết giảm chi phí phù hợp, tăng tỷ trọng sản phẩm mủ CV, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm mủ cao su để đảm bảo lợi nhuận ở mức tốt nhất. Kịp thời đề xuất, tham mưu các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ; tuân thủ tốt các quy định, quy chế, Điều lệ Công ty và pháp luật.

Trong 5 năm nhiệm kỳ, năm 2017, 2018 không đạt chỉ tiêu lợi nhuận, các năm sau đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, Năm 2020 và 2021 mặc dù ảnh hưởng của dịch covid-19 nhưng Ban điều hành cũng đã phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu xuất khẩu, ngày càng củng cố thương hiệu DRI trên thị trường thế giới.

4- Thù Lao của HĐQT nhiệm kỳ 2:

Trong nhiệm kỳ 2, chi phí thù lao HĐQT và BKS có sự thay đổi qua các năm do kết quả SXKD cũng như áp dụng theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH từ năm 2020, mức thù lao cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thu nhập qua các năm (đồng)				
		2017	2018	2019	2020	2021
I.	Kế hoạch:	312.000.000	900.000.000	1.025.000.000	482.300.000	482.300.000
II.	Thực hiện:	298.100.000	843.243.243	933.918.918	482.300.000	482.300.000
1	Hội đồng quản trị	226.100.000	656.756.757	726.756.757	330.270.652	330.270.652
2	Ban kiểm soát	72.000.000	186.486.486	207.162.161	152.029.348	152.029.348
*	Tỷ lệ TH/KH	95,54%	93,69%	91,11%	100,00%	100,00%

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022 VÀ NHIỆM KỲ 2022-2027

I- Nhận định tình hình có liên quan:

Năm 2022, dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến khó lường; cuộc chiến Nga - Ukraina làm tình hình an ninh chính trị thế giới phức tạp, tác động lớn đến nền kinh tế thế giới, giá nhiên liệu tăng, giá cả đầu vào của sản xuất và chi phí logistic tiếp tục tăng cao, lạm phát tăng ở hầu hết các nền kinh tế và các quốc gia; đồng đô la mạnh lên có thể có những hạn chế với giá cao su; thời tiết diễn biến bất thường... tất cả vấn đề đó tác động vào hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và của Công ty chúng ta nói riêng. Tuy nhiên nếu xét trên hai yếu tố cơ bản nhất là cung cầu mủ cao su thiên nhiên và giá dầu thì cả hai yếu tố này sẽ hỗ trợ tốt cho giá cao su trong năm 2022 và những năm tiếp theo. Nhiều chuyên gia nhận định cao su bước vào chu kỳ tăng giá mới và Việt Nam là nước thứ 4 trên thế giới về xuất khẩu cao su sẽ được hưởng lợi từ chu kỳ tăng giá này.

Bên cạnh những lợi thế về giá cao su tăng, ngành cao su cũng đang chịu áp lực về tiêu chuẩn cao su theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường và trách nhiệm xã hội mà ngày nay người tiêu dùng ngày càng yêu cầu khắt khe hơn.

Ngoài các yếu tố trên, DRI với tỷ trọng doanh thu từ sản xuất mủ cao su và từ Daklaoruco đang ở nước bạn Lào, còn bị ảnh hưởng về nguồn nhân lực quản lý, về lao động trực tiếp; đồng tiền Kíp Lào bị mất giá; chi phí logistic lớn... Song, DRI đang có lợi thế về diện tích vườn cây đưa vào kinh doanh lớn, chi phí đầu tư không nhiều, dòng tiền sẽ ổn định, tỷ trọng vốn vay ngày càng giảm; thương hiệu sản phẩm mủ DRI ngày càng được nhiều thị trường biết đến... Trong những năm đến, diện tích sâu riêng sẽ cho sản phẩm, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của DRI.

II- Phương hướng nhiệm vụ năm 2022:

Với những khó khăn và thuận lợi đan xen như trên, HĐQT DRI trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua một số chỉ tiêu kinh doanh chính như:

- Thu hoạch: 15.500 tấn cao su khô; 209 tấn điều tươi; 3.156 tấn chuối quả;
- Tổng doanh thu là 599,616 tỷ đồng;
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 102,19 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 79,210 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân gián tiếp: 17,62 triệu đồng/người/tháng; trực tiếp là: 5,02 triệu đồng/người/tháng;
- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2022: 7% vốn điều lệ;
- Trồng tái canh 151,32 ha cao su đã được thanh lý năm 2021.
- Trên cơ sở những chỉ tiêu nói trên, HĐQT đề ra các nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Quyết định những vấn đề lớn thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ, giám sát, nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc và những kiến nghị của Ban điều hành.

+ Đảm bảo hoạt động thường xuyên của HĐQT, cụ thể hóa những định hướng bằng những chỉ tiêu và giải pháp cụ thể hàng quý, để Ban điều hành căn cứ triển khai thực hiện. Trong đó, chú trọng các giải pháp về kỹ thuật, tài chính, tuân thủ pháp luật.

+ Trình ĐHĐCĐ sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định của HĐQT cho phù hợp với thực tế. Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Tiếp tục chỉ đạo Chương trình phát triển cao su bền vững, thuê tư vấn thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững và lập bản đồ số GIS để từng bước

hoàn tất các thủ tục pháp lý, các tiêu chuẩn của FSC để tiến tới làm hồ sơ để được cấp chứng chỉ FSC, khi đủ điều kiện.

+ Hoàn thành việc chuyển sàn giao dịch cho cổ phiếu của Công ty từ UPCOM sang HNX.

III- Phương hướng nhiệm vụ 5 năm 2022-2026

1- Các chỉ tiêu chính 5 năm 2022-2026

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM				
			2022	2023	2024	2025	2026
1	Tổng diện tích :	Ha	9.457,07	9.457,07	9.457,07	9.457,07	9.457,07
2	Sản lượng khai thác, thu hoạch						
*	<i>Cao su</i>	<i>Tấn</i>	<i>15.517</i>	<i>15.297</i>	<i>15.069</i>	<i>14.169</i>	<i>13.593</i>
*	<i>Sầu riêng</i>	<i>Tấn</i>		<i>85</i>	<i>254</i>	<i>740</i>	<i>1.513</i>
*	<i>Điều</i>	<i>Tấn</i>	<i>209</i>	<i>209</i>	<i>209</i>	<i>209</i>	<i>209</i>
*	<i>Chuối</i>	<i>Tấn</i>	<i>3.156</i>	<i>2.764</i>	<i>1.782</i>	<i>967</i>	<i>435</i>
3	Giá bán bình quân	1.000 đ/Tấn					
*	<i>Cao su</i>	<i>1.000 đ/Tấn</i>	<i>35.989</i>	<i>35.989</i>	<i>35.989</i>	<i>35.989</i>	<i>35.989</i>
*	<i>Sầu riêng</i>	<i>1.000 đ/Tấn</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>
*	<i>Điều</i>	<i>1.000 đ/Tấn</i>	<i>25.000</i>	<i>25.000</i>	<i>25.000</i>	<i>25.000</i>	<i>25.000</i>
*	<i>Chuối</i>	<i>1.000 đ/Tấn</i>	<i>4.700</i>	<i>4.700</i>	<i>4.700</i>	<i>4.700</i>	<i>4.700</i>
4	Tổng Doanh thu	1.000 đ	599.616.690	589.790.720	582.030.906	560.394.454	560.368.275
5	Tổng chi phí	1.000 đ	497.426.674	499.652.996	515.339.966	491.733.163	465.244.253
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	102.190.016	90.137.725	66.690.940	68.661.290	95.124.022
7	Chia cổ tức	%	7%	6%	5%	5%	6%
8	Tỷ lệ XK cao su/hàng bán	%	65%	65%	65%	65%	65%
9	Vốn điều lệ	1.000 đ	732.000	732.000	732.000	732.000	732.000

2- Chỉ tiêu đầu tư:

Dự kiến giai đoạn 2022-2026 chỉ đầu tư vườn cao su KTCB và trồng mới theo kế hoạch tái canh vườn cao su; đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng KTCB, suất đầu tư được tính theo thời giá dự kiến của kế hoạch năm 2022. Tổng mức đầu tư 5 năm là: 139,542 tỷ đồng, trong đó đầu tư:

+ Đầu tư chăm sóc vườn cao su KTCB và trồng tái canh vườn cao su thanh lý: 119,813 tỷ đồng cho 1.716,9 ha cao su tái canh và 146,79 ha cao su KTCB trồng 2018.

+ Đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng KTCB: 19,728 tỷ đồng cho 2 năm với diện tích 69,09 ha, 3 năm với diện tích 62,25 ha.

Cụ thể như sau:

STT	Năm đầu tư	Tổng diện tích (ha)		Thành tiền (đồng)		Tổng tiền (đồng)
		Cao su	Sầu riêng	Cao su	Sầu riêng	
1	2022	298,11	131,34	8.300.117.912	8.870.572.188	17.170.690.100
2	2023	444,24	96,80	11.141.190.447	6.973.336.585	18.114.527.032
3	2024	858,16	62,25	24.798.587.455	3.884.642.114	28.683.229.568
4	2025	1.269,02		33.982.652.353	-	33.982.652.353
5	2026	1.716,90		41.591.342.541	-	41.591.342.541
Tổng cộng:				119.813.890.708	19.728.550.887	139.542.441.594

3- Giải pháp chủ yếu

- Đẩy mạnh công tác tuyên dụng nhân sự quản lý các cấp tại Daklaoruco, theo hướng đảm bảo tính ổn định, kế thừa.

- Thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây cao su, đảm bảo thời gian khai thác tối ưu, cho năng suất cao, ổn định; đẩy mạnh công tác chế biến, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm mủ cao su, từng bước xây dựng thương hiệu DRI trên thị trường thế giới.

- Thực hiện phương án tái canh vườn cây cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco theo Phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

- Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển cao su bền vững, từng bước hoàn thiện các thủ tục pháp lý và các tiêu chuẩn của FSC và xin cấp Chứng chỉ rừng Quốc tế FSC FM/CoC cho gỗ và mủ cao su tại Công ty TNHH cao su Đắk Lắk, tỉnh Champasak, CHDCND Lào trực thuộc DRI và FSC CoC thương mại cho DRI, khi đủ điều kiện; Phấn đấu đến năm 2025 sẽ được cấp chứng chỉ FSC.

- Định hướng xây dựng xưởng sơ chế gỗ tại Daklaoruco để tận dụng cây cao su trong thời kỳ thanh lý, nếu tính hiệu quả cao;

- Tập trung chăm sóc vườn sầu riêng tại Công ty NN CNC DRI theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và có định danh vùng trồng, đảm bảo sản phẩm tiêu thụ thuận lợi.

Kính thưa hội nghị!

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2021 và nhiệm kỳ II (2017-2022), phương hướng nhiệm vụ của năm 2022 và nhiệm kỳ III (2022-2027) đề nghị ĐHĐCĐ thảo luận, thông qua những định hướng phát triển của Công ty trong nhiệm kỳ tới qua đó giao cho HĐQT nhiệm kỳ mới tiếp tục lãnh đạo, định hướng, giám sát để đạt những mục tiêu đề ra.

Thay mặt HĐQT tôi chúc cuộc họp ĐHĐCĐ thành công, chúc các vị khách

mời, các quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin chân thành cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nguyễn Viết Tượng

Phụ lục 1:

Kết quả các chỉ tiêu chính của nhiệm kỳ 2017-2021:

Năm	Sản lượng (tấn)			Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận (tỷ đồng)	Tỷ lệ Xuất khẩu (%)	Chia cổ tức (%)
	Cao su	Chuối	Điều				
Năm 2017							
Kế hoạch	15,500		143	628	192	30.0%	7.0%
Thực hiện	18,480		201	582	153	9.5%	10.0%
Tỷ lệ %	119.23%		140.56%	92.68%	79.60%	31.73%	142.86%
Năm 2018							
Kế hoạch	18,500		203	625	113	30.0%	10.0%
Thực hiện	18,139		187.20	514	62	36.0%	5.0%
Tỷ lệ %	98.05%		92.22%	82.24%	54.80%	120.00%	50.00%
Năm 2019							
Kế hoạch	18,000	4,950	203	589.39	48.89	35.0%	5.0%
Thực hiện	15,403	2,252.57	195.5	539.26	55.01	60.3%	4.0%
Tỷ lệ %	85.57%	45.51%	96.31%	91.50%	112.51%	172.26%	80.00%
Năm 2020							
Kế hoạch	16,000	4,590	213	524.65	34.27	60.00%	3.0%
Thực hiện	15,206	3,268	218.6	441.4	33.99	62.88%	2.7%
Tỷ lệ %	95.04%	71.20%	102.62%	84.13%	99.20%	104.80%	90.00%
Năm 2021							
Kế hoạch	16,500	4,800	209	586.88	60.62	65.0%	5.0%
Thực hiện	15,439	3,351	234.16	597.93	116.30	65.6%	7.0%
Tỷ lệ %	93.57%	69.81%	112.04%	101.88%	191.84%	100.91%	140.00%

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng năm 2022

(tại ĐHĐCD thường niên DRI ngày 19/04/2022)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông.

Qua một năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết, Quyết định giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 của Hội đồng quản trị. Ban điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk xin báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Công ty DRI hiện đang quản lý 2 công ty con:

- Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào (Daklaoruco) với vốn điều lệ 25.000.000 USD, tỷ lệ sở hữu 100%. Daklaoruco hiện có 9.325,73 ha cây trồng các loại. Trong đó diện tích cao su là 8.805,6 ha với 8.507,49 ha đã đưa vào khai thác, 298,11 ha cao su KTCB; diện tích điều là 497,58 ha và 22,55 ha cây bạch đàn và vườn ươm.
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI đầu tư dự án tại Xã Cưkpô, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; với vốn điều lệ 26.000.000.000 VNĐ, tỷ lệ sở hữu 80,77%. Tổng diện tích thuê canh tác là: 142,17 ha; cây trồng chính của công ty là chuối và sầu riêng.

Năm 2021 dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, làm đứt gãy chuỗi cung ứng vật tư làm ảnh hưởng đến công tác khai thác mỏ cao su tại Lào, chuỗi xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tình trạng thiếu lao động bố trí cho vườn cây khai thác, khó khăn trong việc tuyển dụng lao động gián tiếp là người Việt Nam sang Lào làm việc, lệnh phong tỏa biên giới hai nước Việt – Lào đã làm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức sản xuất và kinh doanh. Bên cạnh đó thời tiết bất thường cũng ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng vườn cây. Trước những khó khăn đó, Ban điều hành công ty nỗ lực chỉ đạo sát sao thực hiện nhiệm vụ SXKD bằng các hình thức trao đổi hợp trực tuyến với công ty con, nỗ lực quản trị tốt chi phí để tiết giảm giá thành sản xuất, đảm bảo hiệu quả SXKD ở mức tốt nhất và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

1. Công tác nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách:

Trong năm 2021, tại công ty con Daklaoruco phần lớn các bộ phận nghiệp vụ đều thiếu nhân sự, cả về số lượng và chất lượng, lao động gián tiếp người Việt Nam nghỉ việc về nước lớn, chủ yếu là cán bộ kỹ thuật, cửa khẩu bị đóng nên ảnh hưởng đến việc tuyển dụng

lao động gián tiếp và huy động nhân công khai thác do dịch bệnh Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản lượng của công ty. Tình hình lao động thể hiện qua bảng sau:

Bảng tổng hợp lao động, thu nhập bình quân năm 2021

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Lao động:		2.807	2.471	
*	Lao động gián tiếp	Người	217	181	83,41%
*	Lao động trực tiếp	Người	2.590	2.290	88,42%
2	Tiền lương bình quân				
*	Lao động gián tiếp	Triệu	15,25	16,71	109,57%
*	Lao động trực tiếp	đồng/người/tháng	5,70	5,03	88,25%

Mặc dù trong năm 2021, Công ty cũng ban hành các chính sách đãi ngộ, thu hút lao động nhưng vẫn chưa tuyển dụng được .

Thực hiện công tác chi trả lương đúng thời hạn, thưởng nhân dịp lễ tết của Việt Nam và nước Lào; bố trí điều kiện ăn ở cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng tay nghề người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH.

2. Công tác sản xuất:

- *Công tác khai thác mù cao su:* Ngay từ đầu vụ cao, công ty đã chỉ đạo các đơn vị tập trung tuyển dụng, đào tạo và bố trí lao động đầy đủ, trang bị đầy đủ vật tư khai thác; chuẩn bị các loại vật tư phân bón... thực hiện tốt công tác tổ chức quản lý kỹ thuật trên vườn cây. Tuy nhiên, do lệnh cách ly phòng dịch Covid-19 nên tỷ lệ vắng cao là 12,4%, tỷ lệ trồng vườn 8,04%; và tác động của diễn biến thời tiết cực đoan, mưa bão trong giai đoạn tháng 06 đến tháng 10 cũng đã làm ảnh hưởng đến sản lượng mù khai thác.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản lượng mù cao su năm 2021 là **15.439/16.500** tấn mù quy khô, đạt **93,57%** kế hoạch năm. Năng suất vườn cây bình quân 1,79 tấn/ha.

Bảng Tổng hợp thực hiện sản lượng mù năm 2021:

Stt	Đơn vị	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)			Năng suất (tấn/ha)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (TH/KH)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Nông trường 1	2.488,18	5.350	5.053	94,44%	2,15	2,03	94,42%
2	Nông trường 2	2.226,64	3.850	3.309	85,96%	1,73	1,49	86,13%
3	Nông trường 3	2.387,65	4.450	4.356	97,88%	1,86	1,82	97,85%
4	Nông trường 4	1.529,67	2.850	2.721	95,46%	1,86	1,78	95,57%
*	Tổng cộng	8.632,14	16.500	15.439	93,57%	1,91	1,79	93,72%

Nguyên nhân không đạt sản lượng:

- + Thiếu hụt lao động trực tiếp khai thác tại các Nông trường cao do dịch bệnh;
- + Diện tích cao su bị gãy đổ do ảnh hưởng cơn bão số 5 năm 2021;
- + Trong tháng 9, Nhà máy chế biến mù có ca nhiễm covid-19 phải dừng hoạt động hơn 1 tuần nên một số tổ phải dừng khai thác.

- *Công tác chế biến:* Thực hiện chế biến được 15.185,68 tấn mùn cao su các loại. Trong đó dây chuyền chế biến mùn nước là 12.162,16 tấn, dây chuyền chế biến mùn phụ là 3.023,51 tấn. Tỷ lệ rút cấp trong chế biến năm 2021 là 1,24% với tổng khối lượng mùn rút cấp là 188/15.185 tấn.

- *Công tác chăm sóc vườn cây:*

+ *Đối với vườn cao su kinh doanh:* Tổng nhân công đầu tư 187.358/223.140 công, sử dụng 83,96% kế hoạch nhân công năm 2021. Các hạng mục đầu tư chính như: Thổi lá trên hàng, thiết kế băng cạo, trang bị vật tư, gắn máng chắn mưa, bón phân NPK, khoan hố bón phân vi sinh, tưới phân AMI-AMI cho toàn bộ diện tích cao su kinh doanh tại Nông trường 3. Tiến độ thực hiện đảm bảo theo lịch thời vụ và thực hiện đúng quy trình sản xuất, vườn cây sinh trưởng phát triển tốt.

+ *Đối với vườn cao su kiến thiết cơ bản & tăng năm:* Tổng nhân công thực hiện 4.206/7.498 công, sử dụng 56,10% kế hoạch nhân công năm 2021. Chủ yếu thực hiện công tác chống cháy, tĩa chồi, tạo tán, triển khai làm cỏ hàng, cày chăm sóc, bón phân NPK... Vườn cây sinh trưởng và phát triển tốt, thông thoáng, sạch cỏ.

- *Vườn điều:* thu hoạch được 234,16 tấn/209 tấn, đạt 112,04% kế hoạch năm, tăng 15,59 tấn so với năm 2020. Năng suất điều bình quân toàn Công ty năm 2021 đạt 0,47 tấn/ha. Công tác chăm sóc vườn điều được chú trọng, chất lượng vườn cây sinh trưởng phát triển tốt.

3. Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu:

- **Cao su:** Năm 2021, công ty đã xuất bán **14.844,63/17.000** tấn mùn cao su các loại cho khách hàng, đạt 87,32 % kế hoạch năm 2021 do HĐQT công ty giao. Với tổng doanh thu **26.094.306,85/24.021.000** USD, đạt 108,63% kế hoạch. Đơn giá xuất bán bình quân **1.757,83/1.413,00** USD/ tấn, đạt 124,4% kế hoạch. Trong đó:

+ Xuất khẩu 9.737,16/14.844,63 tấn, chiếm **65,59%** tổng lượng hàng xuất bán, đạt **100,91 %** kế hoạch về chỉ tiêu tỷ lệ XK năm 2021. Trị giá 17.871.204,54 USD, giá bình quân xuất khẩu 1.835,36 USD/tấn.

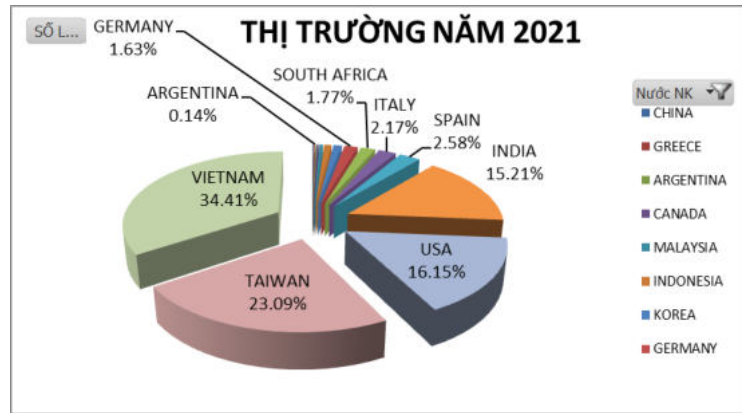
+ Xuất bán nội địa 5.107,47/14.844,63, chiếm 34,41% tổng lượng hàng xuất bán. Trị giá 8.223.102,32 USD, đơn giá bình quân 1.610,01 USD/tấn.

Doanh thu, số lượng, đơn giá bán hàng theo từng loại hàng - năm 2021:

Loại hàng	Năm 2021				Năm 2020			So sánh với thực hiện năm 2020			Thực hiện Kế hoạch năm 2021(%)			
	SỐ LƯỢNG (tấn)	Đơn giá Thực hiện (USD/tấn)	DOANH THU thực hiện (USD)	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG (tấn)	Đơn giá Thực hiện (USD/tấn)	DOANH THU thực hiện (USD)	Số lượng	Đơn giá	Doanh thu	Số lượng	Đơn giá bình quân	Doanh thu	Tỷ lệ XK
CV60	1.799.14	1.980.25	3.562.742.40	12.12%	1.090.32	1.595.56	1.739.673.60	165.01%	124.11%	204.79%	KẾ HOẠCH NĂM 2021 Số lượng xuất bán: 17.000 tấn Đơn giá bình quân: 1413 usd/ tấn Doanh thu: 24.021.000 usd Tỷ lệ XK: 65%			
CV50	262.08	2.040.38	534.744.00	1.77%	80.64	1.483.75	119.649.60	325.00%	137.52%	446.93%				
SVR3L	8.960.44	1.795.17	16.085.471.02	60.36%	8.791.69	1.368.54	12.031.776.35	101.92%	131.17%	133.69%				
SVR10	2.599.80	1.603.96	4.169.970.34	17.51%	3.160.40	1.188.41	3.755.843.14	82.26%	134.97%	111.03%				
Ngoại lệ	368.98	1.182.12	436.177.20	2.49%	383.01	799.65	306.274.00	96.34%	147.83%	142.41%				
SVR5	826.47	1.530.62	1.265.007.90	5.57%	714.07	1.204.20	859.885.40	115.74%	127.11%	147.11%				
SVR20	27.72	1.450.00	40.194.00	0.19%	52.92	975.00	51.597.00	52.38%	148.72%	77.90%				
Tổng	14.844.63	1.757.83	26.094.306.85	100.00%	14.273.05	1.321.70	18.864.699.09	104.00%	133.00%	138.32%	87.32%	124.40%	108.63%	100.91%

- Sản phẩm mủ cao su của công ty đã được trải rộng trên rất nhiều thị trường, kể cả những thị trường khó tính như: Mỹ, Hà Lan, Ý, Tây Ban Nha, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan... Trong đó, 04 thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất là Đài Loan (23,09%), Ấn Độ (15,21%), Mỹ (16,15%) và các nước Châu Âu (7,67%). Thị trường Châu Á gồm Đài Loan, Ấn độ tăng trưởng mạnh hơn năm 2020 trong khi thị trường Mỹ và EU giảm nhẹ do sự tác động của Covid -19 tới 2 thị trường này ảnh hưởng mạnh mẽ hơn so với các nước Châu Á. Dưới đây là tỷ lệ các thị trường mà công ty đã xuất bán trong năm 2021:

Nước NK	SỐ LƯỢNG	Tỷ lệ
CHINA	19,20	0,13%
GREECE	20,16	0,14%
ARGENTINA	20,16	0,14%
CANADA	40,32	0,27%
MALAYSIA	59,20	0,40%
INDONESIA	134,40	0,91%
KOREA	151,20	1,02%
GERMANY	241,92	1,63%
SOUTH AFRICA	262,08	1,77%
ITALY	322,56	2,17%
SPAIN	383,04	2,58%
INDIA	2257,92	15,21%
USA	2397,12	16,15%
TAIWAN	3427,88	23,09%
VIETNAM	5107,47	34,41%
Grand Total	14844,63	100%



Năm 2021: DRI xếp hạng thứ 35 trong “Top 50 doanh nghiệp xuất khẩu Cao su tự nhiên dẫn đầu trong năm 2021 theo kim ngạch” do Hiệp hội cao su Việt Nam tổng hợp.

- **Điều:** Doanh thu bán điều được 249.265,66 USD, giá bán bình quân 1.065 USD/tấn, đạt 110,9% kế hoạch doanh thu năm 2021 là 224.731 USD. Doanh thu vượt kế hoạch nguyên nhân là do giá bán điều năm 2021 tăng 22% (tăng 193 USD), sản lượng tăng 7% (tăng 15,59 tấn) với năm 2020.

4. Công tác đầu tư dự án Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI:

- Tổng diện tích canh tác hiện tại của dự án là: 142,17 ha; cây trồng chính của công ty là chuối và sầu riêng trồng xen đất cao su của Dakruco. Toàn bộ vườn cây trồng mới đến thời điểm hiện tại sinh trưởng và phát triển tốt.

- Sản lượng chuối thu hoạch được năm 2021 là 3.306/4.800 tấn, chỉ đạt 68,87% kế hoạch năm , năng suất đạt trung bình 18,73 kg/buồng.

Bảng tổng hợp sản lượng, số buồng, năng suất chuối năm 2021:

Năm trồng	Sản lượng (tấn)			Số buồng thu hoạch (buồng)			Năng suất BQ (kg/buồng)		
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
Chuối 2018	2.376	1.437	60,48	102.414	63.446	61,95	23,2	22,14	95,43
Chuối 2019	540	339	62,94	24.800	18.308	73,82	21,8	18,51	84,9
Chuối 2020	1.884	1.530	81,81	104.048	96.423	92,67	18,1	16,38	90,5
Tổng cộng	4.800	3.306	68,87	231.261	178.177	77,04	20,8	18,73	90,05

Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch sản lượng chuối là do:

+ Vườn cây bị bệnh vào cuối mùa mưa năm 2020, năng suất trên buồng thấp chỉ đạt bình quân 18,73 kg/buồng.

+ Trong năm công ty đã thực hiện đào bỏ chuối có sự chọn lọc 02 đợt đối với vườn chuối trồng năm 2018 để cây sàu riêng sinh trưởng, phát triển.

+ Do điều kiện thực tế vườn cây sinh trưởng chậm, phải gởi vụ thu hoạch sang năm 2022 thu hoạch là 17.188 buồng.

- Tổng khối lượng hàng xuất bán năm 2021 là: 3.292,12 tấn chuối tươi, với tổng doanh thu là 16,489 tỷ đồng.

- Giá bán bình quân năm 2021: 5.009 đồng/kg đạt 96,20% kế hoạch đề ra, giá bán bình quân giảm 198 đồng/kg tương đương giảm 3,8% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 169,83 triệu đồng, chỉ đạt 12,96% kế hoạch (1.310 triệu đồng) nguyên nhân chính là do không đạt kế hoạch sản lượng và giá bán năm 2021 cũng không đạt kế hoạch.

5. Công tác ISO, Phát triển bền vững, phòng chống dịch bệnh Covid-19:

- Công tác ISO: Công ty thường xuyên thực hiện việc đánh giá nội bộ đối với Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2017. Công ty đang triển khai thực hiện các hồ sơ pháp lý môi trường theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.

- Công tác Phát triển bền vững: Các định hướng mục tiêu theo chương trình phát triển bền vững của HĐQT ban hành đã được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện các mục tiêu này còn chậm so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân là do gián đoạn bởi dịch bệnh covid-19.

- Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp khó lường; Công ty đã chỉ đạo toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2021:

Trong tình hình khó khăn chung của toàn bộ nền kinh tế, cộng với các khó khăn như như thiếu hụt nguồn lao động, diễn biến thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng đến tình hình SXKD của công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu SXKD, kết quả đạt được như sau:

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu đại hội đồng cổ đông 2021 giao:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So với KH 2021 (%)	So với TH 2020 (%)
1	Sản lượng						
1.1	Cao su	Tấn	15.206	16.500	15.439	93,57	101,53
1.2	Điều	Tấn	218,57	209	234,16	112,04	107,13
1.3	Chuối	Tấn	3.268	4.800	3.306	68,89	101,19
2	Doanh thu	Tỷ đồng	441,4	586,870	597,93	101,88	135,46
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33,993	60,62	116,3	191,85	342,13
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	62,88%	65%	65,59%	100,91	104,31
5	Giá vốn cao su	Triệu đồng/tấn	28,25	29,28	30,21	103,18	106,94
6	Giá vốn chuối	Triệu đồng/tấn	5,372	4,866	4,949	101,71	92,13
7	Cổ tức (dự kiến)	%	2,7%	5%	7%	140	259,26
8	Thu nhập						
8.1	Lương BQ gián tiếp	Triệu đồng/người/tháng	16,65	15,25	16,71	109,57	100,36
8.2	Lương BQ trực tiếp		5,42	5,7	5,03	88,25	92,8

- Chỉ tiêu sản lượng không hoàn thành kế hoạch là do:

+ Cây cao su bị rụng lá nên đầu năm phải nghỉ cạo sớm, đầu vụ nắng hạn kéo dài; cuối tháng 9 dịch bệnh Covid-19 đã vào Nhà máy, một số nông trường và Văn phòng Công ty Daklaoruco, cộng với ảnh hưởng bởi cơn bão số 5,6 ..., làm sản lượng năm 2021 đạt thấp.

+ Công tác huy động nhân công gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ vắng cạo, tỷ lệ trồng vườn cao, cũng ảnh hưởng đến sản lượng mủ cao su.

+ Thời tiết không thuận lợi, cùng với việc phát sinh dịch bệnh trên vườn chuối vào cuối năm 2020 đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng chuối của Công ty TNHH CNC DRI.

+ Do thanh lý vườn chuối 2018 chưa kịp thu hoạch có chọn lọc 02 đợt đầu mùa nắng để cây sàu riêng sinh trưởng, phát triển.

- Giá vốn cao su vượt kế hoạch là do: Sản lượng khai thác không đạt nên định phí trên tấn mủ tăng thêm. Hàng hóa qua các cửa khẩu khó khăn, chi phí bán hàng tăng lên do chi phí vận chuyển, thông quan. Mặc dù sản lượng khai thác cao su không đạt (giảm 6,43%) nhưng Công ty cũng đã cố gắng tiết kiệm chi phí để giảm giá vốn hàng bán (giá vốn cao su tăng chỉ 3,18%).

- Sản lượng bán hàng không đạt (giảm 12,35%) nhưng Doanh thu bán hàng vượt 1,88% do giá bán được cải thiện. Lợi nhuận sau thuế Công ty vẫn vượt 83,39%. Đây là nỗ lực phấn đấu của toàn Công ty trong thời điểm khó khăn chung.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu vẫn đạt 1.148 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, sau khi trích lập các quỹ và để đảm bảo an toàn tài chính, Công ty dự kiến chi cổ tức ở mức 7% vượt 40% so với kế hoạch (5%).

PHẦN B: PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2022

I. Một số chỉ tiêu chính:

- Trên cơ sở thực hiện năm 2021, Ban điều hành DRI nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 như sau:

*** Cao su:**

- + Khai thác: 15.500 tấn mù quy khô; năng suất bình quân đạt 1,81 tấn/ha;
- + Sản lượng tiêu thụ dự kiến 16.000 tấn;
- + Giá bán bình quân 35,989 triệu đồng/tấn (1.558 USD/tấn);
- + Giá vốn hàng bán 29,858 triệu đồng/tấn (1.293 USD/tấn);
- + Tỷ lệ xuất khẩu: 65% trên tổng lượng hàng xuất bán;

*** Điều:**

- + Sản lượng 209 tấn quả tươi;
- + Giá bán bình quân 25,41 triệu đồng/tấn (1.100 USD/tấn);
- + Giá vốn hàng bán 24,12 triệu đồng/tấn (1.071 USD/Tấn);

*** Chuối:**

- + Sản lượng 3.156 tấn sản phẩm chuối;
- + Giá bán bình quân 4,743 triệu đồng/tấn;
- + Giá vốn hàng bán 4,639 triệu đồng/tấn;

*** Sơ bộ kết quả kinh doanh năm 2022:**

- + Tổng doanh thu là 599.616 triệu đồng;
- + Tổng chi phí 497.426 triệu đồng;
- + Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 102.190 triệu đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 79.210 triệu đồng;
- + Thu nhập bình quân gián tiếp: 17,62 triệu đồng/người/tháng; trực tiếp là: 5,02 triệu đồng/người/tháng;
- + Tỷ lệ chia cổ tức năm 2022: 7% vốn điều lệ.

II. Giải pháp thực hiện:

Để đạt được các chỉ tiêu, Ban điều hành đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu nêu trên :

- Tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Daklaoruco trong công tác tuyển dụng nhân sự chuyên môn nghiệp vụ về kỹ thuật và tài chính kế toán; kiện toàn tổ chức và nhân sự bảo vệ tại các nông trường. Thường xuyên hỗ trợ xử lý các vấn đề nghiệp vụ kỹ thuật, tài chính kế toán của Daklaoruco.

- Thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp kỹ thuật khai thác, chế biến. Tổ chức tốt công tác sản xuất, bố trí lao động hợp lý, chú trọng trang bị vật tư khai thác, phân bón. Thực hiện các công đoạn chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo sinh trưởng, phát triển vườn cây.
- Thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo giá thành sản xuất;
- Cơ cấu nguồn vốn và thực hiện các giải pháp tài chính nhằm tiết giảm chi phí tài chính; hạn chế ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, cố gắng đảm bảo chỉ tiêu xuất khẩu mũ cao su đạt 65% trên tổng lượng hàng xuất bán;
- Tiếp tục mở rộng và khai thác các thị trường mới. Duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện tại và tích cực tìm kiếm khách hàng mới. Theo dõi diễn biến giá cả thị trường để có chiến lược bán hàng hợp lý, mang lại hiệu quả kinh doanh cao.
- Chỉ đạo Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI bám sát các mục tiêu, phân đầu hoàn thành kế hoạch sản lượng chuỗi, kiểm soát tốt giá thành sản xuất và đa dạng hóa thị trường để đảm bảo giá bán theo kế hoạch; chú trọng chăm sóc vườn sầu riêng đạt hiệu quả sinh trưởng phát triển tốt hơn;
- Tiếp tục chỉ đạo Daklaoruco thực hiện kế hoạch Phát triển bền vững theo chủ trương của HĐQT, trong năm 2022 thuê tư vấn xây dựng Phương án Quản lý rừng bền vững và lập bản đồ số; phân đầu hoàn thành chứng nhận ISO về môi trường, bám sát mục tiêu trong chương trình phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và các chỉ tiêu định hướng năm 2022. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và góp ý kiến để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THANH CÀN

Buôn Ma Thuột, ngày tháng 04 năm 2022

“Dư thảo”

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2022
Phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và nhiệm kỳ 2022- 2027.**

**Kính thưa : Đoàn chủ tịch đại hội
Thưa toàn thể quý cổ đông Công ty.**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát công ty được quy định tại điều 55 điều lệ Công ty DRI. Căn cứ kết quả kiểm soát năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2022.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên kết quả công tác kiểm soát năm 2021, cả nhiệm kỳ 2017-2022: Phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và nhiệm kỳ 2022-2027, cụ thể như sau :

**A/ KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2021 VÀ NHIỆM KỲ NĂM 2017-2022
I/ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :**

1/ Trong năm 2021 :

Năm 2021 tình hình dịch bệnh COVID-19 hết sức nghiêm trọng làm gián đoạn các hoạt động kiểm soát tại công ty, đặc biệt đối với Công ty con Daklaoruco nơi trực tiếp SXKD khai thác mỏ. Việc chính phủ Lào - Việt Nam đóng cửa biên giới để ngăn chặn dịch bệnh làm cho BKS không thể triển khai kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD tại Daklaoruco mà chỉ kiểm tra, soát xét thông qua số liệu và báo cáo tổng hợp từ Daklaoruco gửi về. Do đó chất lượng kiểm soát chưa đạt được theo yêu cầu đề ra, do các thông tin bị hạn chế.

Đối với các công ty trong nước là DRI và CT TNHH CNC DRI mặc dù các yếu tố dịch bệnh làm ảnh hưởng nhưng BKS cũng đã triển khai được công tác kiểm soát theo dự kiến, ngoài kiểm soát trực tiếp, BKS cũng đã triển khai soát xét thông qua các báo cáo, kế hoạch, số liệu kế toán của Công ty và công ty con. Kịp thời báo cáo đề xuất để HĐQT, Ban điều hành chỉ đạo một số việc về củng cố bộ máy, hoàn thiện hồ sơ và các đề xuất cải tiến.

BKS cũng đã tham gia đầy đủ và có trách nhiệm các cuộc họp HĐQT của Công ty, các ý kiến tham vấn về kế hoạch sản xuất, về các chủ trương định hướng của Công ty mang tính trung thực và khách quan vì lợi ích công ty.

2/ Hoạt động trong nhiệm kỳ 2017-2022:

BKS được cơ cấu 03 thành viên hoạt động bán chuyên trách. Trong nhiệm kỳ, do yêu cầu nhiệm vụ năm 2019 có 01 thành viên BKS xin miễn nhiệm, cổ đông lớn Dakruco đã đề cử và được ĐHĐCĐ bầu bổ sung nhân sự mới.

Quá trình hoạt động nhiệm kỳ 2017-2022, trong giai đoạn từ năm 2017-2019 BKS đề ra kế hoạch và thực hiện chương trình kiểm soát hàng quý, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề, kiểm soát theo yêu cầu của HĐQT cả ở Công ty mẹ và Công ty con tại CH Dân chủ nhân dân Lào. Năm 2020 và năm 2021 do dịch bệnh COVID-19 bùng phát mạnh, hết sức phức tạp và nguy hiểm. Chính phủ đã triển khai các chỉ thị 15, 16 thực hiện giãn cách xã hội để chống dịch, từ đó việc triển khai công tác kiểm soát hết sức khó khăn và hạn chế. Đặc biệt do đóng cửa biên giới nên không thể triển khai kiểm soát hàng quý tại CT TNHH DakLaoruco mà chỉ giám sát thông qua số liệu tài chính, các báo cáo tổng hợp của đơn vị.

Quá trình hoạt động có sự phân công và phối hợp tốt giữa các thành viên, tuân thủ các quy định của Công ty về tính bảo mật, sử dụng đúng mục đích các tài liệu, số liệu của Công ty, không lạm dụng, lạm quyền trong thi hành nhiệm vụ, mục tiêu nhằm phát hiện các sai sót, ngăn ngừa các rủi ro cho doanh nghiệp.

Các nội dung kiểm soát đi sâu vào việc kiểm soát việc chấp hành Điều lệ, chấp hành pháp luật. Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ công ty hàng năm. Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản công ty, quản trị chi phí, thực hiện công tác khoa học kỹ thuật và đầu tư. Giám sát việc sử dụng nhân lực lao động, việc thực hiện chế độ chính sách người lao động và các nhiệm vụ khác được quy định theo Điều lệ.

Thực hiện nghiên cứu tham vấn cho HĐQT về giao kế hoạch hàng năm. Tham vấn vào các chủ trương định hướng khi xét thấy ảnh hưởng lớn đến an toàn tài chính. Góp ý trong các cuộc họp HĐQT về các nội dung thảo luận tại cuộc họp khi xét thấy cần thiết với tinh thần công tâm, trung thực, khách quan vì lợi ích công ty. Kiến nghị về xem xét chất lượng vườn cây tại một số thời điểm, chất lượng thợ cạo trong những năm đầu nhiệm kỳ; Kiến nghị về công tác đào tạo nguồn cán bộ khi thấy đội ngũ cán bộ quản lý tại Daklaoruco quá mỏng và biến động thay thế liên tục. Các kiến nghị đề xuất của BKS qua các đợt kiểm tra kiểm soát đều được HĐQT và ban điều hành công ty DRI, công ty con xem xét và khắc phục.

II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TY

1/ Công tác kiểm soát trong năm 2021

1.1/ Công tác Quản lý điều hành :

a- Về hoạt động của HĐQT :

Năm 2021 việc chính phủ triển khai hàng loạt chủ trương mạnh về giãn cách xã hội để phòng chống dịch đã làm ảnh hưởng lớn đến việc chỉ đạo giám sát thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tuy nhiên với tinh thần trách

nhiệm và đoàn kết HĐQT vẫn duy trì chế độ hội họp định kỳ tương đối đầy đủ. Có nhiều nội dung không trực tiếp họp được thì triển khai lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời chỉ đạo theo yêu cầu sản xuất và quản lý.

Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Nội dung và tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, các thành viên tham gia thảo luận có tính xây dựng và trách nhiệm để thống nhất ban hành nghị quyết. Quá trình triển khai có sự giám sát đánh giá kết quả thực hiện.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của nghị quyết :

Các thành quả đạt được như báo cáo HĐQT đã nêu, đều đã được thẩm định từ số liệu của Công ty, Công ty con và đơn vị kiểm toán, Một số chỉ tiêu chưa đạt được theo nghị quyết ĐHĐCĐ cụ thể :

- Sản lượng thiếu hụt 6,4% tương đương 1.060 tấn mù khô, nguyên nhân do ảnh hưởng dịch CoVid-19 kéo dài và nhiều đợt tại một số nông trường. Bên cạnh đó các yếu tố thời tiết đầu vụ, mưa bão lớn trong năm cũng tác động đến việc hoàn thành kế hoạch sản lượng của Công ty.

- Sản lượng chuối thiếu hụt gần 31,11% tương đương 1.494 tấn quả chuối tươi. Nguyên nhân công tác dự báo kế hoạch chưa chính xác (như việc thanh lý cây chuối năm trồng 2018 hai đợt, nhưng kế hoạch không đưa yếu tố này vào; ảnh hưởng thời tiết, nên một số sản lượng thu hoạch muộn sang năm sau...), có những thời điểm dịch không bán được phải chặt bỏ, một số đào phá bỏ để cho sâu riêng phát triển. Ngoài ra do yếu tố dịch bệnh thời điểm mưa lớn không xử lý hết cũng làm chuối hư hại không tiêu thụ được dẫn đến thiệt hại.

- Công tác triển khai phát triển cao su bền vững gặp khó khăn về dịch bệnh nên một số kế hoạch triển khai phải kéo dài hơn dự tính. Kế hoạch chuyển sản giao dịch cổ phiếu do nguyên nhân khách quan về dịch bệnh nên công tác chuẩn bị hồ sơ phải chuyển sang năm 2022 mới triển khai được (HĐQT đã lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

Nhìn chung trong năm 2021 HĐQT đã có sự chỉ đạo sâu sát, tích cực, bám sát vào diễn biến tình hình thực tế của Công ty. Mặc dù sản lượng không đạt, lỗ chênh lệch tỷ giá lớn nhưng các chỉ tiêu còn lại về SXKD của Công ty đều hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, trong đó có chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 116,3 tỷ đồng/60,62 tỷ đồng vượt: 91,8%. HĐQT công ty cũng đã quyết định trình ĐHĐCĐ tăng mức chia cổ tức từ 5% lên 7% cho cổ đông. Qua đó thể hiện sự quyết tâm trong chỉ đạo và đặc biệt quan tâm đến quyền lợi thiết thực của cổ đông công ty.

b/ Về Ban điều hành Công ty.

Đứng trước nhiều khó khăn do dịch bệnh chưa từng có, làm cho công tác điều hành chỉ đạo sản xuất kinh doanh gặp muôn vàn khó khăn. Song nhờ bộ máy ổn định, cán bộ có bề dày kinh nghiệm, thấu hiểu công việc nên công tác chỉ đạo truyền đạt cũng như thực thi nhiệm vụ từ Công ty mẹ đến công ty con luôn thông

suốt. Việc xử lý tình huống, tổ chức sản xuất trong điều kiện dịch bệnh luôn có sự chuẩn bị ứng phó tốt, giảm thiểu thiệt hại cho công ty. Cán bộ CNV luôn đoàn kết và thống nhất để hoàn thành nhiệm vụ; Xử lý tốt các điểm bùng phát dịch tại Nông trường 3, nhà máy chế biến mù, quan tâm đến công tác bảo vệ ngăn ngừa mất cắp mù trong công nhân lao động. Huy động tối đa nguồn lực để tập trung cho sản xuất.

Về mục tiêu sản lượng khai thác mù thiếu hụt hơn 1.000 tấn quy khô, sản lượng chuỗi tươi thiếu hụt gần 1.500 tấn do các nguyên nhân khách quan là chủ yếu. Trước thực tế tiến độ không đạt kế hoạch sản lượng, Ban điều hành cũng đã chủ động rà soát tiết giảm chi phí để không bị lỗ và phấu đầu đảm bảo chi trả cổ tức theo kế hoạch.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác bán hàng, theo dõi nắm bắt thị trường và dự báo để tận dụng tốt các cơ hội. Giá bán các loại sản phẩm đều cao hơn kế hoạch. Tỷ lệ xuất khẩu mù khô chiếm tỷ trọng hơn 65%. Doanh thu thực hiện (585,7 tỷ đồng) vượt kế hoạch đề ra trong điều kiện không hoàn thành kế hoạch sản lượng, góp phần hỗ trợ tốt cho hoạt động tài chính Công ty.

Ban điều hành cũng đã xử lý tốt thông tin, công bố thông tin minh bạch, kịp thời lên trang Web công ty tạo sự minh bạch và tin tưởng của cổ đông. Kịp thời phản hồi các kiến nghị của cổ đông liên quan đến quyền và lợi ích của cổ đông.

Kết quả về các lĩnh vực quản lý điều hành, SXKD và đầu tư đã được Ban điều hành báo hết sức chi tiết cụ thể và sát đúng với tình hình thực tế của Công ty.

Năm 2021 Ban điều hành từ Công ty mẹ xuống các công ty con đã có sự nỗ lực để thực hiện các chỉ tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT tuy nhiên do ảnh hưởng lớn bởi dịch COVID-19 nên chỉ tiêu sản lượng cao su, sản lượng chuỗi không đạt được do nhiều nguyên nhân khách quan trong đó chủ yếu do hậu quả của dịch bệnh COVID-19 là chính. Ngoài ra BKS chưa đánh giá được ảnh hưởng của yếu tố về nhân lực khi một số cán bộ chủ chốt là lãnh đạo quản lý và cán bộ nghiệp vụ (kỹ thuật, kế toán) tại Daklaoruco xin nghỉ về Việt Nam trong năm tương đối nhiều làm xáo trộn và ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

1.2/ Đánh giá các giao dịch nội bộ :

Trong năm 2021 giữa công ty DRI và công ty mẹ - Công ty CP Cao su Đăk Lăk có phát sinh nghiệp vụ tài chính đó là vay ngắn hạn giải quyết khó khăn tạm thời và hoàn trả khi bán được Cổ phiếu DRI với số tiền 30 tỷ đồng, nội dung này đã được HĐQT cho ý kiến bằng nghị quyết. Qua soát xét việc vay mượn này không ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính và khả năng thanh toán của công ty, chi phí vay tính theo lãi vay của Ngân hàng thương mại. BKS không phát hiện các dấu hiệu bất thường trong các giao dịch nội bộ nêu trên và được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

1.3/ Tình hình tài chính công ty :

BKS Thống nhất với số liệu tài chính đã được kiểm toán độc lập soát xét và phát hành. Số liệu tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2021 như sau :

TT	TÀI SẢN	Mã số	Số dư tại ngày 31/12/2021	Số dư tại ngày 31/12/2020
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	194,451,374,830	149,399,427,572
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	81,095,154,177	32,171,593,506
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	25,142,453,822	48,791,772,665
IV	Hàng tồn kho	140	82,728,496,616	66,293,631,879
V	Tài sản ngắn hạn khác	152	5,485,270,215	2,142,429,522
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	832,462,128,797	1,057,624,740,959
I	Phải thu về cho vay		30,000,000,000	
II	Tài sản cố định	220	758,080,746,703	970,142,529,943
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	24,961,170,729	63,773,873,757
V	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	3,000,000,000	3,000,000,000
VI	Tài sản dài hạn khác (CP Trả trước)	260	16,420,211,365	20,708,337,259
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1,026,913,503,627	1,207,024,168,531
	NGUỒN VỐN			
I	NỢ PHẢI TRẢ	300	315,610,558,099	436,252,449,071
1	Nợ ngắn hạn	310	173,477,214,992	231,822,639,586
2	Nợ dài hạn	330	142,133,343,107	204,429,809,485
II	NGUỒN VỐN	400	711,302,945,528	770,771,719,460
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	732,000,000,000	732,000,000,000
2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(114,693,662,642)	(15,363,018,605)
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	26,038,219,629	25,703,057,182
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	62,837,312,665	23,343,264,836
5	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5,121,075,876	5,088,416,047
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,026,913,503,627	1,207,024,168,531

Phân tích các yếu tố biến động tài sản và nguồn vốn :

- Về tài sản : Tổng tài sản giảm 180 tỷ đồng do hao mòn TSCĐ (Khấu hao), do thanh lý diện tích gầy đổ để trồng lại, do chi tiền trả nợ vay ...v.v. Cơ cấu tài sản có sự thay đổi đáng kể theo chiều hướng tốt tăng thanh khoản cụ thể: Tài sản ngắn hạn tăng 45 tỷ đồng trong khi tài sản dài hạn giảm 225 tỷ đồng.

- Về nguồn vốn : Tổng nguồn vốn giảm so với đầu năm chủ yếu do trả bớt nợ vay 120 tỷ đồng và lỗ chênh lệch tỷ giá của các tài sản có gốc ngoại tệ tăng 99 tỷ đồng. Riêng yếu tố giảm nợ vay, công ty đã thu xếp trả trước hạn nhiều khoản nợ vay khi dòng tiền từ kinh doanh dồi dư, là tiền đề cho việc giảm chi phí tài chính, tăng khả năng thanh toán của Công ty.

Các hệ số tài chính đánh giá doanh nghiệp năm nay so với năm trước :

TT	Chỉ Tiêu tài chính	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
1	Hệ số thanh toán nhanh	1.12	0.64
2	Chỉ số thanh toán ngắn hạn	0.64	0.36
3	Hệ số nợ/ Tài sản	0.31	0.36
4	Hệ số nợ /Vốn chủ	0.44	0.57
5	Tỷ lệ vốn chủ trên tài sản	0.69	0.64
6	Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	0.08	0,02
5	Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần (ROE)	0,11	0,03

Nhìn chung tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tương đối tốt, vốn được bảo toàn, các chỉ số thanh toán được cải thiện rõ nét. Cơ cấu nợ trên vốn chủ ngày càng giảm, tỷ lệ vốn chủ trên tài sản ngày càng tăng nhờ kinh doanh có hiệu quả. Với tình hình SXKD ổn định, giá cao su đang trên đà phục hồi thì tình hình tài chính sẽ ngày càng được cải thiện, hiệu quả kinh doanh sẽ tốt hơn, là tiền đề giúp cho giá trị thị trường cổ phiếu DRI ngày càng tăng.

2/ Kết quả giám sát quản lý điều hành trong nhiệm kỳ 2017-2022:

2.1/ Về đánh giá giám sát hoạt động của HĐQT

Nội dung này trong báo cáo hàng năm đều có đánh giá và báo cáo trước ĐHĐCĐ, tại báo cáo này chúng tôi chỉ tóm tắt một số nét chính như sau :

HĐQT điều hành linh hoạt, hiệu quả, các thành viên HĐQT đều có kiến thức, năng lực và trách nhiệm tham gia xây dựng định hướng để phát triển công ty.

Thường xuyên chỉ đạo ban điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu trong nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra. HĐQT đã nghiên cứu đề ra các chủ trương chính sách cho công ty phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành và xã hội. Như cải tạo hệ thống xử lý nước thải, Lắp đặt thống phòng cháy chữa cháy tại nhà máy chế biến, chương trình phát triển cao su bền vững, cải tạo và nâng cao năng lực chế biến, năng lực kho hàng thay vì xây dựng thêm nhà máy chế biến thứ 2; Chủ trương mua bảo hiểm vườn cây để giảm bớt thiệt hại trong mưa bão; Chủ trương về chiến lược bán hàng mở rộng thị trường xuất khẩu; Chủ trương đào tạo nguồn nhân lực người Lào tham gia công tác quản lý; Phê duyệt đề án bổ nhiệm cán bộ chủ chốt, Chủ trương về chuyển sản giao dịch để tăng uy tín cũng như tính thanh khoản trên thị trường để tăng giá trị thị trường của Công ty...v.v.

HĐQT đã triệu tập nhiều cuộc họp ngoài chương trình theo quý để xử lý các nội dung chương trình thuộc thẩm quyền xuất phát từ yêu cầu thực tế. Phê duyệt chủ trương lộ trình thanh lý và trồng tái canh (Chu kỳ 2) để chủ động thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong khai thác. Thực hiện thuê tư vấn từ viện nghiên cứu cao su

Việt Nam đánh giá chất lượng vườn cây để áp dụng chế độ khai thác và đầu tư chăm sóc vườn cây phù hợp.

2.2/ Về đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong nhiệm kỳ 2017-2022

Ban điều hành hàng năm đều có báo cáo tổng kết công tác chỉ đạo điều hành và kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

Trong nhiệm kỳ qua Ban điều hành đã có sự nỗ lực thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu nghị quyết của HĐQT về hoạt động SXKD đặc biệt trong những năm đầu nhiệm kỳ sản lượng đạt và vượt mức tương đối cao, công ty có sự tăng trưởng tốt, kết quả hàng năm đều có lãi. Tuy nhiên trong nửa cuối nhiệm kỳ chỉ tiêu về sản lượng 3 năm liền đều thiếu hụt tương đối lớn, Nội dung này trong các báo cáo của HĐQT và Ban điều hành đều đã có phân tích nguyên nhân tuy nhiên có một nguyên nhân cốt lõi là do giá mủ cao su luôn đứng ở mức thấp nên phải hạn chế tối đa chi phí đầu tư làm phần nào ảnh hưởng đến sản lượng. Công tác huy động nhân lực cũng hết sức khó khăn, nhân sự gián tiếp luôn thiếu hụt, nhân sự cấp lãnh đạo nông trường luôn xáo trộn và xin nghỉ dần. Công nhân lao động hàng năm đều có sự biến động lớn ảnh hưởng chất lượng tay nghề và ngày công khai thác.

Ban điều hành chấp hành tốt pháp luật ở nước sở tại, chú trọng công tác quan hệ với chính quyền địa phương, được chính quyền cấp huyện, tỉnh và chính phủ Lào luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SXKD và đầu tư.

Báo cáo của Ban điều hành cũng đã nêu tương đối chi tiết kết quả trong công tác thực hiện nhiệm vụ được giao. Chúng tôi nhận thấy Ban điều hành có sự đoàn kết, phân công phân nhiệm rõ ràng, luôn nỗ lực phấn đấu, chấp hành tốt sự chỉ đạo của HĐQT và hoàn thành tương đối tốt các chỉ tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ công ty đề ra hàng năm. Công ty ngày càng phát triển, có uy tín với địa phương và trên thương trường. Tình hình tài chính ngày càng được cải thiện, thanh khoản tốt, SXKD có lãi, bảo toàn và phát triển vốn, Công ty đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất.

B/ KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022- 2027 VÀ NĂM 2022 :

1/ Chương trình kế hoạch kiểm soát trong nhiệm kỳ 2022-2027

1.1/ Thực hiện kiểm soát hoạt động công ty theo các nội dung nhiệm vụ quy định trong Điều lệ công ty.

1.2/ Triển khai kiểm soát các quy trình nghiệp vụ để cảnh báo ngăn ngừa rủi ro hoạt động.

1.3/ Thực hiện kiểm soát theo một số chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT và phản ánh của cổ đông.

1.4/ Kiểm soát các giao dịch nội bộ, kiểm soát các lợi ích liên quan đến người quản lý và người có liên quan của người quản lý.

1.5/ Kiểm soát ngăn ngừa xung đột nội bộ trong quản lý điều hành, xung đột giữa cổ đông với công ty, kiểm soát tính tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty.

1.6/ Tham gia nghiên cứu và tham vấn các chương trình mục tiêu, đề án, kế hoạch công ty. Tham gia các cuộc họp HĐQT, báo cáo kiến nghị những nội dung còn bất cập hoặc đề nghị xử lý sai phạm tập thể, cá nhân liên quan mà BKS phát hiện trong quá trình kiểm tra, kiểm soát tại Công ty. Thực hiện kiến nghị các cơ quan pháp luật theo thẩm quyền nếu các sai phạm nghiêm trọng đến mức truy cứu.

2/ Kế hoạch kiểm soát năm 2022 :

Xuất phát từ mức độ dịch bệnh COVID-19 đã suy giảm, tình hình đi lại giữa Việt nam và Lào sẽ được mở cửa, do đó BKS sẽ có kế hoạch linh hoạt để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, cụ thể là các nhiệm vụ trọng tâm sau đây :

2.1/ Thường xuyên giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành theo quy định của Điều lệ. Kiểm tra kiểm soát hoạt động SXKD và đầu tư tại Công ty mẹ và các Công ty con về công tác quản lý điều hành, công tác kế toán tài chính, công tác bán hàng. Giám sát các hợp đồng giao dịch nội bộ; Giám sát công tác bảo mật và công bố thông tin, chế độ chính sách người lao động, việc chấp hành pháp luật.

2.2/ Thực hiện chương trình kiểm soát tại Công ty Daklaoruco khi điều kiện dịch bệnh được kiểm soát.

2.3/ Xây dựng kế hoạch kiểm soát quy trình nghiệp vụ, thực hiện quy chế, quy định, thông báo nhằm phát hiện cảnh báo rủi ro, đề xuất các cải tiến.

2.4/ Thực hiện các cuộc kiểm tra kiểm soát theo yêu cầu của HĐQT công ty, nhóm cổ đông lớn công ty.

2.5/ Phản hồi cho HĐQT và Ban điều hành những bất cập phát hiện trong quá trình kiểm tra kiểm soát, đề xuất các giải pháp khắc phục

2.6/ Tham gia các cuộc họp của HĐQT công ty, tích cực nghiên cứu và góp ý các nội dung được tham dự với tư cách tham vấn để HĐQT có quyết định.

2.7/ Các công việc khác theo quy chế hoạt động, quy chế quản trị và theo Điều lệ công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm soát năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2022. Chương trình kế hoạch công tác kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 và trong năm 2022, BKS xin trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên. Xin cảm ơn và chúc Cuộc họp ĐHĐCĐ thành công tốt đẹp.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nơi gửi :

- HĐQT, Ban điều hành;
- Cổ đông công ty;
- Thành viên BKS.

Nguyễn Thạc Hoàn

Báo cáo Tóm tắt kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH kiểm toán AFC (Chỉ báo cáo sơ bộ kết quả kinh doanh hợp nhất còn chi tiết báo cáo đã công bố thông tin trên trang web Công ty)

1. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021.

(Theo báo cáo kiểm toán số 171/2022/BCKTHN-HCM.00895 ngày 11/03/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC)

STT	Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Ghi chú
1	Doanh thu	606.890.469.505	
1.1	Doanh thu thuần BH & cung cấp dịch vụ	585.650.443.985	
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	18.556.661.066	
1.3	Thu nhập khác	2.683.364.454	
2	Tổng Chi phí	490.590.381.826	
2.1	Giá vốn hàng bán	355.200.410.114	
2.2	Chi phí bán hàng	34.405.069.521	
2.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.244.673.995	
2.4	Chi phí tài chính	70.605.802.849	
2.5	Chi phí khác	11.134.425.347	
3	Lợi nhuận trước thuế	116.300.087.679	
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.209.192.244	
5	Lợi nhuận sau thuế	84.090.895.435	
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu	1.148	

2. Ý kiến của kiểm toán :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số: 07/TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 5 năm (2022-2026)

Kính thưa quý cổ đông,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24 tháng 2 năm 2012;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk được thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh 5 năm 2016-2021 và Nghị quyết số: 05/NQ-HĐQT, ngày 18/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư 5 năm 2022-2026 như sau:

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 5 năm kỳ 2022-2026:

1- Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM				
			2022	2023	2024	2025	2026
1	Tổng diện tích :	Ha	9.457,07	9.457,07	9.457,07	9.457,07	9.457,07
2	Sản lượng khai thác, thu hoạch						
*	Cao su	Tấn	15.517	15.297	15.069	14.169	13.593
*	Sầu riêng	Tấn		85	254	740	1.513
*	Điều	Tấn	209	209	209	209	209
*	Chuối	Tấn	3.156	2.764	1.782	967	435
3	Giá bán bình quân	1.000 đ/Tấn					
*	Cao su	1.000 đ/Tấn	35.989	35.989	35.989	35.989	35.989
*	Sầu riêng	1.000 đ/Tấn	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
*	Điều	1.000 đ/Tấn	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
*	Chuối	1.000 đ/Tấn	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
4	Tổng Doanh thu	1.000 đ	599.616.690	589.790.720	582.030.906	560.394.454	560.368.275
5	Tổng chi phí	1.000 đ	497.426.674	499.652.996	515.339.966	491.733.163	465.244.253
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	102.190.016	90.137.725	66.690.940	68.661.290	95.124.022
7	Chia cổ tức	%	7%	6%	5%	5%	6%
8	Tỷ lệ XK cao su/hàng bán	%	65,0%	65,0%	65,0%	65,0%	65%
9	Vốn điều lệ	1.000 đ	732.000	732.000	732.000	732.000	732.000



2- Chỉ tiêu đầu tư: Dự kiến giai đoạn 2022-2026 chỉ đầu tư vườn cao su KTCB và trồng mới theo kế hoạch tái canh vườn cao su; đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng KTCB, suất đầu tư được tính theo thời giá dự kiến của kế hoạch năm 2022. Tổng mức đầu tư 5 năm là: 139,542 tỷ đồng, trong đó đầu tư:

+ Đầu tư chăm sóc vườn cao su KTCB và trồng tái canh vườn cao su thanh lý: 119,813 tỷ đồng cho 1.716,9 ha cao su tái canh và 146,79 ha cao su KTCB trồng 2018.

+ Đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng KTCB: 19,728 tỷ đồng cho 2 năm với diện tích 69,09 ha, 3 năm với diện tích 62,25 ha.

Cụ thể như sau:

STT	Năm đầu tư	Tổng diện tích (ha)		Thành tiền (đồng)		Tổng tiền (đồng)
		Cao su	Sầu riêng	Cao su	Sầu riêng	
1	2022	298,11	131,34	8.300.117.912	8.870.572.188	17.170.690.100
2	2023	444,24	96,80	11.141.190.447	6.973.336.585	18.114.527.032
3	2024	858,16	62,25	24.798.587.455	3.884.642.114	28.683.229.568
4	2025	1.269,02		33.982.652.353	-	33.982.652.353
5	2026	1.716,90		41.591.342.541	-	41.591.342.541
Tổng cộng:				119.813.890.708	19.728.550.887	139.542.441.594

II. Một số định hướng chính:

- Đẩy mạnh công tác tuyển dụng nhân sự quản lý các cấp tại Daklaoruco, theo hướng đảm bảo tính ổn định, kế thừa.

- Thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây cao su, đảm bảo thời gian khai thác tối ưu, cho năng suất cao, ổn định; đẩy mạnh công tác chế biến, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm mủ cao su, từng bước xây dựng thương hiệu DRI trên thị trường thế giới.

- Thực hiện phương án tái canh vườn cây cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco theo Phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

- Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển cao su bền vững, từng bước hoàn thiện các thủ tục pháp lý và các tiêu chuẩn của FSC và xin cấp Chứng chỉ rừng Quốc tế FSC FM/CoC cho gỗ và mủ cao su tại Công ty TNHH cao su Đắc Lắc, tỉnh Champasak, CHDCND Lào trực thuộc DRI và FSC CoC thương mại cho DRI, khi đủ điều kiện; Phấn đấu đến năm 2025 sẽ được cấp chứng chỉ FSC.

- Định hướng xây dựng xưởng sơ chế gỗ tại Daklaoruco để tận dụng cây cao su trong thời kỳ thanh lý, nếu tính hiệu quả cao;

- Tập trung chăm sóc vườn sầu riêng tại Công ty NNCNC DRI theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và có định danh vùng trồng, đảm bảo sản phẩm tiêu thụ thuận lợi.

- Chuyển sàn giao dịch cho cổ phiếu của Công ty từ UPCOM sang HNX

trong quý II/2022.

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2022-2026 và một số định hướng chính trong nhiệm kỳ, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Lương



Số: ..08../TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022

Kính thưa quý cổ đông,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24 tháng 2 năm 2012;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk được thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 30/12/2021; Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT, ngày 22/2/2022 và Nghị quyết số: 05/NQ-HĐQT, ngày 18/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 như sau:

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022:

1- Chỉ tiêu về khối lượng:

1.1- Tổng diện tích cây trồng: 9.467,90 ha

- Tổng diện tích cây cao su: 8.805,60 ha, trong đó:

+ Diện tích cao su KTCB: 298,11 ha;

+ Diện tích cao su khai thác: 8.507,49 ha.

- Diện tích cây điều: 497,58 ha.

- Diện tích cây trồng khác: cây bạch đàn + vườn ươm: 22,55 ha.

- Diện tích cây chuối xen sầu riêng trồng xen trên vườn cao su: 142,17 ha.

1.2- Sản lượng các loại sản phẩm khai thác trong năm:

- Cao su khai thác: 15.500 tấn mù khô;

- Sản lượng cao su xuất bán: 16.000 tấn mù

- Điều: 209 tấn tươi;

- Chuối: 3.156 tấn quả.

2. Chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cổ tức:

2.1- Tổng doanh thu: 599,61 tỷ đồng, trong đó:

+ Bán mũ cao su thành phẩm: 575,83 tỷ đồng (giá bán bình quân 1.558 USD/tấn), trong đó xuất khẩu 65% của tổng sản lượng tiêu thụ 16.000 tấn.

+ Bán điều tươi: 5,31 tỷ đồng (giá bán bình quân 1.100 USD tấn tươi)

+ Bán chuối trái: 14,96 tỷ đồng (giá bán bình quân 4.743 đồng/kg)

+ Doanh thu tài chính + thu nhập khác: 3,5 tỷ đồng.

2.2- Tổng chi phí: 497,426 tỷ đồng, trong đó:

+ SXKD cao su: 477,726 tỷ đồng (giá vốn: 1.293 USD/tấn)

+ SXKD điều: 5,06 tỷ đồng (giá vốn: 1.071 USD/tấn)

+ SXKD chuối: 14,64 tỷ đồng (giá vốn: 4.639 đồng/kg)

2.3- Lợi nhuận trước thuế: 102,19 tỷ đồng; sau thuế: 79,21 tỷ đồng.

2.4- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 dự kiến: 7% vốn điều lệ.

3- Thu nhập bình quân: gián tiếp: 17,62 triệu đồng/người/tháng; trực tiếp là: 5,02 triệu đồng/người/tháng.

II. Các chỉ tiêu đầu tư năm 2022:

1. Đầu tư nông nghiệp vườn cây KTCB 2022:

- Trồng mới và chăm sóc: 298,11 ha cao su và 142,17 ha sầu riêng kiến thiết cơ bản.

- Tổng mức đầu tư nông nghiệp: **15.901,40 triệu đồng** (trong đó cao su 7.030,83 triệu đồng, sầu riêng KTCB là 8.870,57 triệu đồng).

2. Đầu tư XDCB:

- Tổng mức đầu tư năm 2022 là: **27.471,62 triệu đồng**; trong đó tại Dự án chuối là 1.092,13 triệu đồng, Daklaoruco 26.379,49 triệu đồng.

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên; *Thái*
- BKS
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Số: 09/TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2021

Kính thưa Quý cổ đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
 - Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua;
 - Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC;
 - Căn cứ Nghị quyết số: 05/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 03 năm 2022.
- Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	%/LNHN	Tiền(VNĐ)	Ghi chú
1	Lợi nhuận 2020 chuyển sang		739.077.059	
2	Lợi nhuận tại Công ty TNHH NN CNC DRI giữ lại không chia		(629.594.553)	
3	Lợi nhuận 2021 sau thuế Hợp nhất		84.090.895.435	
4	Lợi nhuận không chia (Phần lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá Hợp nhất)		(9.529.987.987)	
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2021		74.670.389.954	
6	Trích lập quỹ		21.320.333.000	
6.1	Quỹ đầu tư phát triển	17% *(5)	12.693.000.000	
6.2	Quỹ Thi đua khen thưởng phúc lợi	11%*(5)	8.213.000.000	
6.3	Trích quỹ thưởng cho Người quản lý	1,5 tháng lương BQ	414.333.000	
7	Lợi nhuận sau thuế còn lại chi cổ tức		53.350.056.954	
8	Chi cổ tức (trong đó đã tạm ứng trước 3% trong năm 2021)	7% VDL	51.240.000.000	
9	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức chuyển năm sau		2.110.056.954	

(Số liệu theo BCTC hợp nhất 2021)

Mức cổ tức đề nghị tăng từ 5% lên 7% do lợi nhuận của Cty vượt kỳ vọng

- Tạm ứng cổ tức 2021 : 3%
- Cổ tức còn lại : 4% tương đương 400 VNĐ/cổ phiếu
- Thời gian chi cổ tức : Dự kiến từ 15/7/2022-15/8/2022

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ TN 2022;
- HĐQT; BKS; Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường

Số: 10./TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH
V/v Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022

Kính thưa Quý Cổ đông,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động TB&XH, Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số: 05/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 03 năm 2022;

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về thực hiện chi phí thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và dự kiến mức thù lao của HĐQT và BKS 2022 như sau:

1- Kết quả thực hiện năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

- Tổng quỹ thù lao theo kế hoạch : 482,3 triệu đồng;
- Thực tế chi trả : 482,3 triệu đồng;
- %TH/KH : 100%

Mức thù lao trên được áp dụng cho người quản lý không chuyên trách (TV HĐQT không điều hành (05 người) và thành viên BKS (03 người));

2- Dự kiến thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022:

Năm 2022 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động TB&XH, thù lao chi trả cho người quản lý không chuyên trách (TV HĐQT không điều hành và thành viên BKS) được xác định bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách thì tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là 576 triệu đồng cao hơn mức thực hiện của năm 2021, do lợi nhuận sau thuế của Kế hoạch năm 2022 trên 79,21 tỷ đồng (cao hơn 50 tỷ đồng). Thù lao này được tính vào chi phí sản xuất năm 2022.

Vậy đề nghị ĐHĐCĐ thống nhất mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2022 là: 576 triệu đồng.

Kính trình ĐHĐCĐ!

Nơi nhận: *Thael*

- ĐHĐCĐ thường niên 2022;

- TV HĐQT; BKS; Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Tường

Số: 11/TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Năm 2022

Kính thưa Quý Cổ đông,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ công bố Danh sách các Công ty Kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán các Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 03 năm 2022;

Hội đồng quản trị xét thấy các Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C;
2. Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

Có đủ năng lực và kinh nghiệm để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty; Các Công ty này cũng đã từng kiểm toán Công ty những năm trước đây nên hiểu về đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và Ban kiểm soát lựa chọn 01 trong các Công ty kiểm toán nói trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- TV HĐQT; BKS;
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Số: 12/TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Công văn số 5521/UBCKNN-PTTT ngày 24/9/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

HĐQT Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt chủ trương trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 sửa đổi một số điều của Điều lệ, và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty, cụ thể như sau:

I- Về sửa đổi Điều lệ

1- Khoản 1, điều 4:

Bỏ mã ngành 0221-Khai thác gỗ; (phụ lục Danh mục ngành nghề kinh doanh đính kèm).

Lý do: Nếu chỉ 01 mã ngành có tỷ lệ SNHH là 0% thì tỷ lệ SHNN chung của DRI là 0% do đó nên bỏ đề xin đăng ký tỷ lệ SHNN tối đa của DRI là 50% nhằm thu hút thêm các nhà đầu tư nước ngoài, việc đăng ký nội dung này có thể sẽ bổ sung trong giấy phép kinh doanh của Daklaoruco khi vườn cây đi vào chu kỳ thanh lý;

2- Khoản 1, điều 6:

Bổ sung nội dung: “Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tối đa là 50%”.

3- Khoản 1, Điều 22:

Điều chỉnh lại khoản 1, điều 22 theo hướng như sau:

Quy định cũ: “1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.”

Đề nghị điều chỉnh thành: “1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;



b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.”

Lý do điều chỉnh:

+ Luật DN 2020 cho phép nhưng phải cho ĐHĐCĐ quyết định và phải quy định trong Điều lệ Công ty;

+ Khi cần thiết có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản sẽ nhanh chóng và tiết kiệm hơn so với tổ chức ĐHĐCĐ trực tiếp.

4- Khoản 1 Điều 37:

Quy định cũ: “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.”

Điều chỉnh thành: “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế”.

Lý do: phù hợp theo khoản 1 điều 168 Luật DN 2020.

II- Về sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty:

1- Sửa đổi khoản 10, Điều 5:

Quy định cũ: “- Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: Ngoài các quy định phải lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại đại hội theo điều 147-Luật Doanh nghiệp, các trường hợp còn lại phải phải thông qua Nghị quyết cổ đông bằng văn bản. Công ty không quy định nội dung không lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.”

Điều chỉnh lại: “- Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: Ngoài các quy định phải lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại đại hội theo điều 147-Luật Doanh nghiệp, các trường hợp còn lại phải phải thông qua Nghị quyết cổ đông bằng văn bản, thì các nội dung được quy định tại khoản 1, điều 22, Điều lệ Công ty, HĐQT được quyền lấy ý kiến bằng văn bản”

Lý do: Phù hợp với sự thay đổi tại khoản 1, điều 22, Điều lệ Công ty.

2- Bổ sung khoản 11, Điều 5: “Việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến: thực hiện theo phụ lục 1 – Hướng dẫn tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tuyến (đính kèm Quy chế này).”

3- Sửa đổi khoản 1, Điều 13:

Quy định cũ: “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tiếp.”

Điều chỉnh thành: “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế”.

Lý do: phù hợp theo khoản 1 điều 168 Luật DN 2020, khoản 1 điều 37 Điều lệ Công ty sửa đổi nói trên.

III- Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

Sửa đổi khoản 1, Điều 4:

Quy định cũ: “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người, hoạt động bán chuyên trách, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tiếp.”

Điều chỉnh thành: “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người, hoạt động bán chuyên trách, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế”

Lý do: phù hợp theo khoản 1 điều 168 Luật DN 2020, khoản 1 điều 37 Điều lệ Công ty và Khoản 1, Điều 13 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sửa đổi nói trên.

IV. Triển khai thực hiện:

1- Sau khi ĐHĐCĐ thông qua các nội dung trên. Chủ tịch HĐQT, chủ tọa ĐHĐCĐ thường niên 2022 ký ban hành Quyết định việc sửa đổi nội dung của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty nói trên; Ban Kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nói trên;

2- Giao cho HĐQT Công ty, triển khai các thủ tục sửa đổi Giấy phép kinh doanh và đăng ký với UBCK Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định.

Căn cứ vào nội dung nêu trên, HĐQT Công ty kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Kính trình!

Nơi nhận: *Thao*

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường



Phụ lục 1: BẢNG DANH MỤC CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA DRI

theo khoản 1 điều 4 - Điều lệ DRI tháng 4/2021

(Kèm theo Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022)

Số TT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ SHNN tối đa	Ghi chú
1	Trồng cây cao su	0125	50%	Ngành nghề chính
2	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	50%	
3	Khai thác và thu gom than bùn	0892	50%	
4	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ <i>Chi tiết: Sản xuất phân bón</i>	2012		
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất công nghiệp, nông nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm) và vật tư phục vụ nông nghiệp</i>	4669	50%	
6	Bán buôn cà phê	46324	50%	
7	Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ	02102	50%	
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn gỗ cây và gỗ chế biến</i>	4663	50%	
9	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn quản lý các dự án liên quan đến phát triển nông nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, công trình thủy lợi</i>	7020	50%	
10	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Bán buôn mủ cao su và nông sản; Bán buôn cây giống cao su và cây công nghiệp khác</i>	4620	50%	Ngành nghề cam kết không tiến hành "Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu,
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	50%	

	<i>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su, sản xuất nông nghiệp</i>			<i>quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết</i>
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	50%	Ngành nghề có cam kết không tiến hành: "Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng"
13	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép <i>Chi tiết: Bán buôn giày dép, đồ bảo hộ lao động, quần áo may sẵn</i>	4641	50%	
14	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét <i>Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi làm vật liệu xây dựng</i>	0810	50%	
15	Môi giới <i>Chi tiết: Môi giới thương mại</i>	46102	50%	
16	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Bán buôn ô tô con và xe có động cơ khác</i>	4511	50%	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

DRI

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

TP. BUÔN MA THUỘT THÁNG 3 NĂM 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II.....	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.....	6
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III.....	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	10
CHƯƠNG V.....	11
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VI	11
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông....	20
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
CHƯƠNG VII.....	26
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	33
CHƯƠNG VIII.....	34
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	35
CHƯƠNG IX	36
BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	36
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	36
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	37
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	42
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	43
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát ..	43
CHƯƠNG X.....	39
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
Điều 42. Trách nhiệm căn trọng.....	44
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	44
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	45
CHƯƠNG XI	46
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	46
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	46
CHƯƠNG XII.....	47
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	47
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	47
CHƯƠNG XIII.....	47

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	47
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	47
CHƯƠNG XIV.....	48
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH.....	48
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	48
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	48
Điều 49. Năm tài chính	48
Điều 50. Chế độ kế toán.....	48
Điều 51. Trích lập Quỹ	48
CHƯƠNG XV	49
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH	49
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	49
Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	49
Điều 53. Báo cáo thường niên.....	49
CHƯƠNG XVI.....	50
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	50
Điều 54. Kiểm toán.....	50
CHƯƠNG XVII	50
CON DẤU.....	50
Điều 55. Con dấu.....	50
CHƯƠNG XVIII.....	50
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	50
Điều 56. Giải thể Công ty	50
Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.....	51
Điều 58. Gia hạn hoạt động	51
Điều 59. Thanh lý	51
CHƯƠNG XIX.....	52
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	52
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	52
CHƯƠNG XX.....	53
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	53
Điều 61. Điều lệ công ty	53
CHƯƠNG XXI.....	53
NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 62. Ngày hiệu lực	53

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2021

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

- Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

- Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

- Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Thành viên hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

- Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: DAKLAK RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: DRI

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 59 Cao Thắng, Phường Tân an, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

- Điện thoại: 0262-3867676

- Fax: 0262-3865303

- E-mail:dri@dri.com.vn
- Website:www.dri.com.vn
- Công ty con

(1) CÔNG TY TNHH CAO SU ĐAKLAK (DAKLAORUCO)

Địa chỉ: Bản Tha Luông, Huyện Paske, tỉnh Chămpasak, Nước Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Lào.

Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, khai thác , chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên và các cây công nghiệp, cây rừng, cây nông nghiệp ngắn/dài ngày.

Tỷ lệ góp vốn: 100%

(2) CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO DRI

Địa chỉ: 59 Cao Thắng, Phường Tân an, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và thu mua các loại chuối chất lượng cao và các cây ăn quả khác như mít, sầu riêng, bơ phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu;

Tỷ lệ góp vốn: 80,77%

- Địa bàn hoạt động: trên toàn lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có thể thay đổi trụ sở chính hoặc thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng, ... trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài theo quyết định của HĐQT và sau khi đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo luật định.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 62 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 64 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn tính từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam; Trường hợp vắng mặt trên 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền thì thực hiện theo khoản 4 điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020. Tiêu chuẩn và điều kiện của người ủy quyền đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư trồng mới, chăm sóc, khai thác cây cao su, chế biến và mua, bán, xuất khẩu các sản phẩm từ cây cao su, cây ăn quả, cây nông nghiệp khác. Đầu tư quản lý các dự án liên quan đến phát triển nông nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, thủy lợi. Khai thác chế biến các mỏ bùn, sản xuất kinh doanh phân bón;

Chi tiết ngành nghề, theo phụ lục 1: Danh mục các ngành nghề DRI đính kèm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông cũng như nhà đầu tư. Phát triển doanh nghiệp bền vững, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại các vùng dự án mà Công ty đầu tư.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 732.000.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi hai tỷ đồng);

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 73.200.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần;

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại DRI là 50%.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác;

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị phải bao gồm các nội dung sau đây:

Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp

hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc theo hình thức khác do điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

f) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ phần tại Công ty;

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty Công bố theo quy định của Pháp luật;

l) Được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và các tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ này. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

13.1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty và người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty;

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
- d. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ sau đây:

a) Cổ Đông lớn là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;

Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ Đông lớn của Công Ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ Đông lớn theo Phụ lục VII Thông tư 96/2020 ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

b) Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một (01)% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ Đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết/đăng ký giao dịch theo Phụ lục VIII Thông tư 96/2020 ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

c) Quy định tại các Điểm a, Điểm b và Điểm c trên đây cũng áp dụng đối với Người Có Liên Quan sở hữu từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài

chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán,
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty sau kiểm toán;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 và 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 điều này thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập

họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Các nội dung biểu quyết được thể hiện trên Phiếu biểu quyết cùng với các ô tán thành, không tán thành, không ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết để cổ đông thực hiện quyền của mình. Việc kiểm phiếu được thực trên phần mềm kiểm phiếu và công bố kết quả tại Đại hội sau khi có kết quả kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành

viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký;

trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 4,6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm một số nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh

nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế Biểu quyết và Bầu cử của Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ tính từ ngày có Nghị quyết là Thành viên HĐQT của ĐHCĐ.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

8. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;

e. Quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu điều lệ công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua không được thấp hơn giá thị trường;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị và ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán này, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí

phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số

phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, trường hợp đột xuất thì phải báo trước ít nhất 24h. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 12 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 49 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Trường hợp có thành viên HĐQT không thể sử dụng tiếng Việt thì nội dung biên bản cuộc họp có thể dịch sang tiếng Anh và thành viên đó phải ký tên trên cả biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

16. Tổng giám đốc, trưởng ban kiểm soát và những cán bộ quản lý khác, các chuyên gia có thể dự họp theo lời mời của HĐQT, thành viên dự thỉnh tham gia phát biểu, đóng góp ý kiến nhưng không được biểu quyết. Thời gian và thủ tục gửi Thông báo mời họp cho các thành viên dự thỉnh tương tự như quy định đối với các thành viên HĐQT.

17. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Trường hợp Công ty chưa thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT thì phải phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên HĐQT trong đó có thể phân công 01 thành viên độc lập HĐQT phụ trách vấn đề lương thưởng.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn bổ nhiệm hay tuyển dụng Tổng giám đốc được quy định trong Quy chế Quản trị Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại khi có ủy quyền của người đại diện theo pháp luật, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo kế hoạch tài chính đã phê duyệt; Quy chế quản lý tài chính của Công ty và những thông lệ quản lý tốt nhất;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f) Tuyển dụng lao động;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Vào tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Điều 42. Môi quan hệ giữa Công ty với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

1. Các Công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm:
 - a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - b) Công ty ở nước ngoài do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.
2. Các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình công ty đó.
3. Công ty là chủ sở hữu của các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty này. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:
 - a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc quyết định;
 - b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với Công ty con;
 - c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.
4. Công ty thực hiện quyền Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:
 - a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản;
 - b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty con;
 - d) Quyết định cử người đại diện vốn; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên của Công ty con;
 - e) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát

triển 05 năm và hàng năm của Công ty con;

f) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản và thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **10%** vốn chủ sở hữu của Công ty con;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, xử lý các khoản lỗ, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty;

h) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Công ty theo Điều lệ Công ty con;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con không trái với Điều lệ này.

5. Công ty con nêu tại Khoản 1, Điều này có quyền ký kết hợp đồng, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức và nhân sự theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty con; phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 43. Mọi quan hệ với Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Công ty giữ quyền chi phối

1. Công ty là chủ sở hữu cổ phần, vốn góp chi phối tại các Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn hoặc cổ phần của Công ty tại các Công ty con này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện vốn của Công ty.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con nêu tại Khoản 1, điều này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại Công ty con; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty con trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào Công ty con;

b) Chỉ định người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của người đại diện; đánh giá đối với người đại diện;

c) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty con.

3. Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sau khi Hội đồng quản trị Công ty có ý kiến thỏa thuận:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu

cầu phá sản doanh nghiệp;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

e) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm của doanh nghiệp;

f) Chủ trương góp vốn, tỷ lệ nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác;

g) Chủ trương Quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản hoặc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

h) Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

i) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;

j) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

k) Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành Pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh;

4. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm: Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà các Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông

qua hoặc quyết định; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đối với Công ty con; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

5. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty với Công ty con, được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

Điều 44. Quan hệ giữa Công ty với các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

1. Công ty liên kết là các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình Công ty đó.

2. Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp nêu ở Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn góp tại các doanh nghiệp này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thẩm định các báo cáo, đề xuất của Người đại diện vốn tại doanh nghiệp để trình Hội đồng quản trị cho ý kiến thỏa thuận, trên cơ sở đó người đại diện vốn tại doanh nghiệp thực hiện các quyền của cổ đông hoặc quyền của thành viên Hội đồng quản trị... phù hợp với quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp và quy định của Pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty liên kết được quy định tại Quy chế này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn Công ty đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào doanh nghiệp;

b) Chỉ định Người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện theo ủy quyền, quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện theo ủy quyền; đánh giá đối với Người đại diện theo ủy quyền;

c) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Điểm d Khoản này, trừ trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có quy định khác; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp;

d) Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định và chịu trách nhiệm các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng

cổ đông:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh;
 - Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
 - Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đề cử đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;
 - Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay; thế chấp, cầm cố tài sản hoặc phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;
 - Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm của doanh nghiệp.
- e) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn Công ty tại doanh nghiệp;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 45. Quan hệ giữa Công ty với công ty tự nguyện liên kết

Công ty quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: Định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su/cây trồng khác; liên kết đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

Điều 46. Mối quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị phụ thuộc

1. Các Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản tại đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Công ty có thể phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị phụ thuộc thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính. Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện thông qua các quy chế về tổ chức, hoạt động được Tổng Giám đốc Công ty ban hành bằng văn bản phổ biến tới từng đơn vị phụ thuộc.

2. Công ty thực hiện chế độ hạch toán tập trung. Kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 47. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Được Hội đồng quản trị Công ty giới thiệu tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện vốn của Công ty thực hiện theo Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XI

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 48. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn

khô luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 51. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó nếu Pháp luật cho phép.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 57. Trích lập Quỹ

Hàng năm, căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của mình, Công ty sẽ trích lập các Quỹ thi đua khen thưởng, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, ... Tỷ lệ trích lập các Quỹ do Hội đồng quản trị kiến nghị và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Nguyên tắc trích lập các quỹ như sau:

a) Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ của Công ty và bù đắp các

khoản tồn thất phát sinh (nếu có) theo đúng chế độ. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

b) Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm theo hiệu quả sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế, nhưng không quá 30% của lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh một cách trung thực và khách quan về tình hình lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 59. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII CON DẤU

Điều 61. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 62. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại đến tòa án để yêu cầu giải thể Công ty khi xảy ra một trong các tình huống sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hành động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 64. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 65. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định hoặc yêu cầu trưởng ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 67. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 68 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Buôn Ma Thuột, ngày tháng năm 2021

Chữ ký của Người Đại diện theo Pháp luật

CHỦ TỊCH HĐQT

..., ngày ... tháng ... năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người đại diện phân vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm

soát và cán bộ quản lý công ty. Đồng thời, quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy Chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- a) *Quản trị công ty*: là hệ thống các nguyên tắc và quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- b) *Điều lệ*: là điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc, bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ.
- c) *Người quản lý doanh nghiệp*: theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ bao gồm, Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các hợp đồng giao dịch của Công ty theo quy định tại điều lệ Công ty.
- d) *Cổ đông lớn*: là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- e) *Người có liên quan*: theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- f) *Người điều hành doanh nghiệp*: theo điều 34 Điều lệ Công ty gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng
- g) *Người điều hành doanh nghiệp khác* : Ngoài các chức danh là người điều hành doanh nghiệp theo điều 34 Điều lệ Công ty, Người điều hành doanh nghiệp khác do Tổng giám đốc đề nghị và được HĐQT chấp thuận;
- h) *Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác* là người được HĐQT cử làm đại diện phần vốn góp của DRI, có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 21 của Quy chế này. Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác có thể tham gia làm thành viên HĐQT, hoặc làm người điều hành do HĐQT Công ty đề cử.
- i) *Công ty*: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc (DRI).
- j) *Thông tin nội bộ*: là những thông tin liên quan đến công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty.

2. Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều Lệ hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế

các văn bản đó.

Điều 3: Nguyên tắc Quản trị công ty

1. Định nghĩa:

Quản trị công ty là những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty, liên quan tới các mối quan hệ giữa Bộ máy quản lý, Hội đồng quản trị và các cổ đông của một công ty với các bên có quyền lợi liên quan.

2. Các nguyên tắc Quản trị công ty

Các nguyên tắc Quản trị công ty bao gồm:

- ✓ Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật;
- ✓ Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm đối với xã hội;
- ✓ Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- ✓ Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- ✓ Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- ✓ Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- ✓ Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- ✓ Hội đồng quản trị định hướng, giám sát và Ban kiểm soát kiểm soát Công ty có hiệu quả.

Các nguyên tắc Quản trị công ty nhằm giúp cho cơ cấu quản trị của Công ty được minh bạch và thể hiện sự cam kết của HĐQT trong việc Quản trị công ty hiệu quả, đó là xây dựng và đẩy mạnh:

- Một mô hình quản lý có trách nhiệm và dựa trên các giá trị đạo đức kinh doanh.
- Một Hội đồng quản trị và Bộ máy quản lý phục vụ những lợi ích cao nhất của công ty và các cổ đông, bao gồm cả các cổ đông nhỏ lẻ, và tìm cách làm gia tăng giá trị cho các cổ đông một cách bền vững.
- Công khai thông tin một cách phù hợp và đảm bảo tính minh bạch, cũng như một hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ hiệu quả.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại và Điều 15 của Điều lệ Công

ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp và thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại khoản 2,3 điều 14 Điều lệ Công ty. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo khoản 3 điều 14 của điều lệ thì Ban kiểm soát và cổ đông hoặc nhóm cổ đông sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo khoản 4 của điều 14 điều lệ Công ty.

- Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và trên website của Công Ty.

- Công ty chuẩn bị một danh sách các Cổ Đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư.

- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên website của Công Ty.

- Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có thể đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông, phải gửi văn bản đề xuất cùng các tài liệu chứng minh về số lượng cổ phiếu nắm giữ, biên bản thống nhất nội dung đề xuất của nhóm cổ đông. Đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty trước ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu khai mạc. Đề xuất phải bao gồm: tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

3. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ủy quyền tham dự và điều kiện tiến hành;

- Một bộ phận được HĐQT chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ.

- Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu một cách hợp lệ.

- Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.

- Cổ đông, Người Được Ủy Quyền Dự Họp có thể đăng ký tham dự qua thư điện tử, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình thư triệu tập, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức đại hội để đăng ký tại tổ chức cuộc họp.

- Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông: Cổ đông sẽ thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp theo mẫu được Công ty gửi kèm tài liệu. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc cuộc họp.

- Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 1 ngày trước khi khai mạc cuộc họp.

- Việc kiểm tra tư cách đại biểu để quyết định xem ĐHĐCĐ có đủ điều kiện để tiến hành được quy định tại Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ, bao gồm: chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền). Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Việc kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Điều lệ Công ty. Cụ thể, Ban kiểm tra tư cách cổ đông được HĐQT chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự cuộc họp thỏa mãn tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết.

4. Cách thức bỏ phiếu;

- Trừ khi có quy định khác, khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có quyền biểu quyết Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử trên đó có ghi số đăng ký/mã số, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó

- Nội dung của Thẻ biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hình thức và nội dung của Phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế Biểu quyết & Bầu cử.

- Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ, Cổ Đông thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu

- Thông thường, Cổ Đông bỏ các thẻ biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

- Công ty sẽ nỗ lực ghi nhận các ý kiến phát biểu, biểu quyết của cổ đông thông qua phương tiện điện tử và/hoặc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Các cổ đông có nhu cầu biểu quyết bằng hình thức từ xa sẽ được cấp thẻ biểu quyết điện tử khi tiến hành đăng ký từ xa. Thẻ biểu quyết điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Trong trường hợp này, Cổ đông phải gửi Thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử đến Ban tổ chức đại hội trước giờ biểu quyết.

- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát Phiếu biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

- Các nội dung khác sẽ được đề cập cụ thể khi công ty quyết định áp dụng hình thức họp trực tuyến.

5. Cách thức kiểm phiếu;

- Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu (nếu cần) theo đề nghị của Chủ tọa. Ban tổ chức sẽ đề cử nhân sự cho Tổ giúp việc kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu có thể quyết định nhân sự của Tổ giúp việc cho mình.

- Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Thẻ biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội.

- Các tình trạng “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “ý kiến khác”, phiếu không hợp lệ sẽ được tổng hợp riêng. Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.

- Công ty nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử có áp dụng mã vạch nhận dạng để phòng tránh sai sót.

- Được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận vào kết quả.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

- Trưởng ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu

- Biên bản kiểm phiếu hoặc nghị quyết (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và trang thông tin điện tử của DRI trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo điều 132-Luật Doanh nghiệp:

- Trong trường hợp Cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì Cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự đại hội cổ đông và nội dung, lý do về việc phản đối.

- Văn bản đó sẽ được chuyển đến Thư ký đại hội để ghi nhận.

- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

- Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của khoản này (từ mục a đến h). Biên bản họp ghi rõ chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và các tài liệu đính kèm phải được công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, công thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

10. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 của Điều lệ sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: chủ tịch Hội đồng quản trị, một thành viên của Ban kiểm soát và một thành viên Ban Thư ký. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị là trưởng Ban kiểm phiếu.

- Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: Ngoài các quy định phải lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại đại hội theo điều 147

- Luật Doanh nghiệp, các trường hợp còn lại phải thông qua nghị quyết cổ đông bằng

văn bản, thì các nội dung được quy định tại khoản 1, điều 22, Điều lệ Công ty, HĐQT được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.

11. Việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến: thực hiện theo phụ lục 1 – Hướng dẫn tham dự và biểu quyết tại ĐHCĐ trực tuyến (đính kèm Quy chế này).

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong công ty;
- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác theo yêu cầu của thành viên HĐQT.
- Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin như sau:
 - Thành viên HĐQT gửi yêu cầu cung cấp thông tin gồm nội dung thông tin cần cung cấp, thời hạn gửi thông tin, có thể yêu cầu bằng văn bản hoặc điện thoại;
 - Người tiếp nhận thông tin yêu cầu từ thành viên HĐQT báo cáo cho cấp quản lý trực tiếp để báo cáo cho TGD Công ty;
 - TGD chỉ đạo việc cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT;
 - Các thông tin khi gửi cho thành viên HĐQT phải được cấp quản lý trực tiếp kiểm duyệt và báo cáo cho TGD Công ty.

Điều 7. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Các thành viên HĐQT phải thực thi trách nhiệm của mình theo các nội dung quy định tại các điều 48, 49, 50 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3

tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:

+ Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;

+ Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;

+ Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;

+ Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;

+ Phán quyết chuẩn xác;

+ Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;

+ Kỹ năng giao tiếp tốt.

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác

2. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

- Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều 25-Điều lệ công ty;

- Đối với cổ đông/nhóm cổ đông: Việc ứng cử đề cử thực hiện theo phụ lục số 4 & 6 Quy chế biểu quyết và bầu cử của DRI

- Ứng viên Hội đồng quản trị sẽ gửi bản Sơ yếu lý lịch và văn bản cam kết (*phụ lục số 7&8 quy chế Biểu quyết và Bầu cử DRI*) về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế biểu quyết và bầu cử sẽ được gửi đến Thư ký HĐQT tại Trụ sở chính công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên tùy theo mức độ tín nhiệm của người bầu đối với ứng cử viên đó nhưng tổng số phiếu bầu ghi cho các ứng viên được chọn không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại Quy chế biểu quyết và bầu cử của DRI.

- Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì:

- Ứng viên được bầu là thành viên độc lập HĐQT sẽ được ưu tiên xét trước theo các tiêu chuẩn của thành viên độc lập HĐQT (*có thể không phải là cổ đông, chưa tham gia làm thành viên HĐQT*).
- Nếu ứng viên là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn.
- Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.

- Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

4.1 Miễn nhiệm

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

4.2 Bãi nhiệm

- Không tham gia họp HĐQT trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

- Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

4.3 Bầu bổ sung thành viên HĐQT

- a) Khi số thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3, để bầu bổ sung;
- b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống không đủ tỷ lệ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này. ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
- d) Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ tính từ ngày có Nghị quyết là Thành viên HĐQT của ĐHĐCĐ.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên HĐQT liên quan đến bầu, miễn bãi nhiệm. HĐQT sẽ thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

6. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sẽ ứng cử, đề cử ứng viên HĐQT theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện được đề cập tại mục 2 điều này. Toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết được chuyển đến Công ty cho Thư ký Hội đồng quản trị.

- HĐQT sẽ thực hiện việc công bố thông tin về ứng viên theo đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số lượng ứng viên còn thiếu sẽ do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo khoản 1 và 4 điều 29 Điều lệ Công ty;

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao HĐQT được ĐHĐCĐ phê chuẩn sẽ được phân chia cho các thành viên HĐQT theo nguyên tắc sau:

- + Các thành viên HĐQT có mức thù lao ngang nhau;
- + Chủ tịch HĐQT, phó Chủ tịch HĐQT thêm một khoản thù lao về trách nhiệm và khối lượng công việc liên quan đến công tác điều hành, tổ chức các cuộc họp HĐQT;
- + Các thành viên HĐQT có kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác do HĐQT giao thì được hưởng thêm một khoản phụ cấp do HĐQT quyết định;

+ Ngoài các khoản thù lao quy định chung, các thành viên HĐQT được hưởng một khoản thù lao cho việc tham dự các cuộc họp của HĐQT;

+ Các thành viên HĐQT được cử đi đào tạo, tập huấn để bổ sung thêm kiến thức về quản trị, kỹ năng,...theo yêu cầu của UBCKNN, công ty.

- HĐQT phân công 01 thành viên phụ trách về vấn đề lương thưởng xây dựng Tổng quỹ thù lao chung của HĐQT để trình ĐHĐCĐ quyết định và xây dựng bảng hệ số công việc của các thành viên HĐQT để làm cơ sở chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT.

- Các khoản thù lao của HĐQT được hạch toán vào chi phí của Công ty;

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

- Đề nghị họp HĐQT bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, trường hợp đột xuất thì phải báo trước ít nhất 24h. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có).

- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên

lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

- Các vấn đề phải được HĐQT thảo luận và quyết định quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp hoặc 1 phần nội dung chương trình họp bằng cách gửi thư điện tử hoặc văn bản sòng đến Hội đồng quản trị.

3. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

- Trừ khi có sự thỏa thuận khác, trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp

- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 của Điều lệ Công ty;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4. Cách thức biểu quyết;

- Ngoài quy định tại khoản 9 Điều 30 của Điều lệ, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- Trong các cuộc họp trực tiếp, qua điện thoại, các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận. Các tình trạng biểu quyết có thể là đồng ý, phản đối, không có ý kiến.

5. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (>50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

- Việc ủy quyền cho người khác tham dự họp HĐQT và biểu quyết chỉ có hiệu lực khi được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

6. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

- Thư ký HĐQT sẽ thực hiện ghi biên bản diễn tiến cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. Thư ký HĐQT có thể ghi âm cuộc họp để đảm bảo tính chính xác cuộc

- Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

- Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực.

- Biên bản họp HĐQT sẽ được lưu trữ với thời hạn 10 năm.

7. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản, nghị quyết của HĐQT.

- Các nghị quyết này sẽ được thông tin đến tất cả các thành viên HĐQT.

- Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 11. Người phụ trách quản trị Công ty (áp dụng với Công ty niêm yết)

Khi cần thiết, HĐQT Công ty bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, để giúp HĐQT thực hiện các nhiệm vụ về quản trị Công ty.

Các quy định về tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản trị Công ty quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 39 Điều lệ Công ty.
- Trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại các điều 48,49,50 Điều lệ Công ty

Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.

1. Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

- Việc bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức tương tự như bầu thành viên HĐQT,
- Trường hợp không có đủ số thành viên BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 điều 37 Điều lệ Công ty;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

- Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên BKS liên quan đến bầu, miễn, bãi nhiệm, sẽ thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

6. Tiền lương và quyền lợi khác của Ban kiểm soát: thực hiện theo quy định tại điều 41 Điều lệ Công ty

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khi được Người đại diện theo pháp luật Công ty ủy quyền; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;
- Trách nhiệm của TGD quy định tại điều 48,49,50 Điều lệ Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc quy định tại khoản 4 điều 35 Điều lệ Công ty;

Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGD

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
- Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc
 - a) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 điều 7 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c) Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác trừ trường hợp được HĐQT Công ty cử tham gia quản lý tại các Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty;
 - d) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng trong quản lý doanh nghiệp cụ thể như sau:
 - Tối thiểu tốt nghiệp Đại học, có trình độ chuyên môn và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý;
 - Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Doanh nghiệp, có hiểu biết pháp luật;
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Có đức tính trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

2. Ký HĐLĐ với TGD

- Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám Đốc
- Trường hợp Thành viên HĐQT được phân công làm TGD thì Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký quyết định bổ nhiệm.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt HĐLĐ với TGD

- Miễn nhiệm:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công Ty;
 - Hết hợp đồng lao động;
 - Nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
- Bãi nhiệm:
- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công Ty;
 - Vi phạm Pháp Luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.
- Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với TGD
- Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
5. Tiền lương và các lợi ích khác của TGD.
- Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và được thể hiện trong hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm TGD.

CHƯƠNG VII

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;
- Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT; thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp HĐQT.
 - Nội dung họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, Ban kiểm soát được tích hợp trong chương trình họp HĐQT.
 - Thủ tục và trình tự mời họp Ban kiểm soát thực hiện tương tự như triệu tập họp HĐQT.
 - Các tài liệu liên quan đến họp HĐQT, các nghị quyết, quyết định của HĐQT

được gọi cho các thành viên HĐQT thì cũng đồng thời gọi cho Ban kiểm soát và TGD theo cùng phương thức, thời điểm.

- Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát tham dự họp có quyền phát biểu ý kiến, chất vấn, đưa ra các khuyến nghị để HĐQT xem xét quyết định nhưng không tham gia biểu quyết.
- Việc ghi biên bản sẽ do thư ký HĐQT thực hiện có chữ ký của các bên tham gia.

2. Triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

- Tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai các nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ
- Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi quản lý khủng hoảng ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất về các quyết định đó.
- Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản.
- Khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến HĐQT trước bảy (7) ngày.

3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

- Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Khủng hoảng và việc xử lý khủng hoảng vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
- Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;
- Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Các nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT.
- Các nội dung báo cáo bao gồm các nội dung:

- + Đánh giá kết quả thực hiện trong kỳ và phương hướng cho kỳ tiếp theo;
- + Việc triển khai chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển bền vững của Công ty;
- + Việc thực hiện các chỉ tiêu của ĐHCĐ, HĐQT;
- + Tình hình tài chính của Công ty ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, những dự báo và đề xuất;
- + Sự tuân thủ của Bộ máy quản lý đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ của Công ty;
- + Thành tích đạt được và những tồn tại, khuyết điểm;
- + Công tác tổ chức cán bộ và bộ máy thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- + Những chủ trương và chỉ tiêu giao cho người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của DRI trên 50% vốn điều lệ, được quy định tại Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Công ty DRI vào doanh nghiệp khác.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Các nội dung yêu cầu trên được TGD trả lời bằng văn bản và gửi cho HĐQT, Ban KS theo phương thức và thời gian đã được yêu cầu ở trên.
- Đối với các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí quyết công nghệ, khách hàng,..những thông tin mà TGD cho rằng nếu cung cấp có thể ảnh hưởng đến lợi ích công ty,...khi cung cấp cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát phải có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng giám đốc theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng

giám đốc;

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay với TGD tại các cuộc họp HĐQT về những nội dung cần làm rõ, cần chất vấn,....
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các người điều hành doanh nghiệp khác sau khi tham khảo với Tổng Giám Đốc về chủ đề, thời gian và nội dung làm việc với người điều hành doanh nghiệp khác.
- Đối với việc HĐQT ủy quyền cho người quản lý khác thực thi nhiệm vụ của mình thì nội dung ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản, được đa số chữ ký của các thành viên HĐQT chấp thuận và gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và thông tin đến Người Phụ Trách Quản Trị/Thư ký Công ty và đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền;
- Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám Đốc thì HĐQT phải phản hồi trong vòng bảy (7) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
- Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn bảy (7) ngày.
- Đối với các hợp đồng, giao dịch mà phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó thì Người đại diện Công ty ký phải báo cáo và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch cho HĐQT, Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 23. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác

1. Đánh giá, nhận xét hoạt động

a) Hội đồng Quản trị.

HĐQT thực hiện đánh giá HĐQT kết hợp với đánh giá từng thành viên HĐQT. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm.

- Đánh giá hoạt động HĐQT: dựa trên các tiêu chí đánh giá như sau:
 - Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác;
 - Thành phần HĐQT theo quy định của pháp luật;
 - Số cuộc họp của HĐQT và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;
 - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra;
 - Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin;

- HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản lý;
 - Xây dựng chính sách thù lao cho HĐQT;
 - Các chính sách mới được phát triển và ban hành.
- Việc đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của HĐQT để đánh giá công tác của HĐQT hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá. Có thể sử dụng bảng câu hỏi để làm tiêu chí đánh giá. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.
- Việc đánh giá hoạt động thành viên HĐQT được thực hiện thông qua:
- + Tự đánh giá bởi bản thân thành viên HĐQT, và
 - + Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên HĐQT.
- Căn cứ vào kết quả đánh giá định kỳ về HĐQT và các thành viên của HĐQT được quy định tại Điều này, các chương trình tập huấn, đào tạo sẽ được tổ chức hoặc cung cấp để phát triển kiến thức và kỹ năng của thành viên HĐQT. Các chương trình đào tạo này sẽ cung cấp cho các thành viên HĐQT các nội dung:
- + Những kỹ năng mới và nâng cao tính chuyên nghiệp, đồng thời nhận thức rõ hơn các vấn đề liên quan đến quản lý và phát triển doanh nghiệp;
 - + Tiếp cận, cập nhật kiến thức về Quản trị công ty và các vấn đề khác;
 - + Nâng cao nhận thức về các vấn đề đạo đức và giá trị nền tảng của việc quản trị công ty hiệu quả;
 - + Các khóa học có liên quan giúp thành viên HĐQT hoàn thành các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.
- Các thành viên HĐQT sẽ tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận và các tổ chức uy tín khác.

b) Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát kết hợp với đánh giá từng thành viên Ban kiểm soát. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm.

- Đánh giá hoạt động Ban kiểm soát: dựa trên các tiêu chí đánh giá như sau:
- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, TGD;
 - Số cuộc họp của BKS và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;
 - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra mà BKS đã cảnh báo;
 - Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin;
 - Ban kiểm soát tham gia các chương trình đào tạo về quản lý;

- Ban kiểm soát có còn đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của BKS để đánh giá công tác của BKS hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.

- Việc đánh giá hoạt động thành viên BKS được thực hiện thông qua:

- + Tự đánh giá bởi bản thân thành viên BKS, và

- + Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên BKS.

- + Đối với trường Ban kiểm soát cần đánh giá thêm khả năng điều phối công việc. Trường ban kiểm soát chỉ có quyền điều phối công việc, không có quyền điều phối các thành viên của BKS.

- Thông qua việc đánh giá BKS có thể được cử đi đào tạo, tập huấn các khóa học ngắn hạn để nâng cao kiến thức, kỹ năng để phục vụ cho công việc

c) Tổng Giám đốc và các Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác, có vốn góp của DRI trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

- HĐQT đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và giao cho TGD đánh giá hoạt động của Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác trừ trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc hoặc kiêm nhiệm Người đại diện vốn tại doanh nghiệp khác.

- Việc đánh giá Tổng Giám đốc dựa trên các tiêu chí sau:

- + Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh;

- + Bồn phận chung; (tiêu chí cần trọng và tránh xung đột lợi ích);

- + Năng lực và kỹ năng;

- Việc đánh giá Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác: Thực hiện theo trách nhiệm của người đại diện được quy định tại Quy chế cử người đại diện vốn của DRI tại doanh nghiệp khác;

d) Phương pháp nhận xét, đánh giá

d1. Đối với thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc:

- Tiêu chí mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh được đánh giá qua kết quả việc thực hiện (i) các mục tiêu chung của Công ty và (ii) Các mục tiêu về tài chính, khách hàng; (iii) việc thực hiện Điều lệ, nội quy, quy chế, quy định, quy trình do Công ty ban hành ...và được đánh giá một cách phù hợp cho từng vị trí.

- Tiêu chí bồn phận chung của cán bộ quản lý cấp cao được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty gồm:

- Trách nhiệm “Cẩn trọng”
 - Trách nhiệm “Trung thực và tránh xung đột lợi ích”
 - Trách nhiệm “Bảo mật thông tin”
- Năng lực và kỹ năng của cán bộ quản lý cấp cao được đánh giá trên các khía cạnh sau:
- Chất lượng lãnh đạo và chất lượng quản lý;
 - Kiến thức và kỹ năng;
 - Mối quan hệ phối hợp;
 - Mối quan hệ với nhân viên.
- Việc đánh giá này được thực hiện theo 2 giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và cấp quản lý trực tiếp đánh giá.
- Mức độ đánh giá theo 4 mức:
- * Không hoàn thành nhiệm vụ;
 - * Hoàn thành nhiệm vụ;
 - * Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
 - * Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Việc phân loại, đánh giá của tập thể HĐQT và từng cá nhân được HĐQT bỏ phiếu kín để phân loại.

d2. Đối với Người đại diện phần vốn của DRI tại doanh nghiệp khác: Giao cho Tổng giám đốc trên cơ sở Quy chế cử người đại diện xây dựng tiêu chí, phương pháp đánh giá, thực hiện đánh giá, nhận xét và báo cáo đề xuất với HĐQT.

2. Khen thưởng

- Hình thức khen thưởng:
 - + Bằng tiền;
 - + Bằng hình thức phi vật chất khác.
- Đối với đối tượng là thành viên HĐQT: HĐQT quyết định trong phạm vi Quỹ khen thưởng được ĐHCĐ phê chuẩn.
- Đối với đối tượng là điều hành, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng: căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

3. Kỷ luật

- HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc bao gồm 8 chương 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng.. .năm 2021 và được sửa đổi bổ sung khi có sự thay đổi của pháp luật có liên quan, hoặc khi không còn phù hợp với thực tiễn. Việc sửa đổi bổ sung phải được HĐQT trình ra cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thông qua mới có hiệu lực.

Những nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Điều lệ của Công ty và những quy định của pháp luật có liên quan.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty, Người đại diện phần vốn của DRI tại doanh nghiệp khác, căn cứ vào Quy chế này để thực hiện./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đắk Lắk, ngày ... tháng ... năm 2022

“ Dự thảo ”

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk, bao gồm các nội dung sau :

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, hoạt động bán chuyên trách, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải là người cư trú ở Việt nam .
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp (Tổ chức và cá nhân thuộc đối tượng giới hạn không được phép thành lập doanh nghiệp);

b) Tốt nghiệp đại học, được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; Có kinh nghiệm thực tiễn ít nhất 3 năm làm việc trở lên.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có **quan hệ gia đình** của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Có kinh nghiệm thực tiễn trên 5 năm làm việc.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định (khoản 2 điều 47- Điều lệ Công ty).

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 điều 103 Luật Doanh nghiệp và điều 3 của bản quy chế này.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác phù hợp theo quy định của pháp luật chưa nêu tại điều 103 của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và theo khoản 4 điều 20 Điều lệ Công ty.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Được hưởng quyền lợi tham quan du lịch từ phúc lợi Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát. Thành viên BKS có quyền bảo lưu ý kiến của mình về các nội dung chưa đồng nhất trong kết luận kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Quá trình kiểm tra kiểm soát có sự phối hợp để triển khai công tác kiểm soát không ảnh hưởng đến việc quản lý và SXKD. Khi phát hiện các sai sót không trọng yếu thì tiến hành trao đổi với chuyên môn để khắc phục cũng như đề xuất các cải tiến (nếu có).

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trao đổi báo cáo khi phát hiện những bất cập làm thất thoát tài sản hoặc ảnh hưởng đến uy tín, kết quả SXKD của Công ty để HĐQT chỉ đạo giải quyết. Tham vấn góp ý kiến vào các chủ trương SXKD đầu tư để đạt hiệu quả tốt trong quản lý điều hành.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TỜ TRÌNH

V/v thay đổi ngành nghề kinh doanh

Kính gửi : Quý cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Công văn số 5521/UBCKNN-PTTT ngày 24/9/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Theo quy định của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, một số mã ngành được xác định có tỷ lệ SHNN là 0% (mã 0221-Khai thác gỗ), do vậy tỷ lệ SHNN tối đa của DRI hiện nay theo quy định là 0%. Để thu hút thêm sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài cần thiết phải nâng tỷ lệ SHNN tối đa tại DRI là 50%, muốn vậy HĐQT đề cổ đông phê chuẩn nội dung sau:

1. Điều chỉnh và làm rõ các ngành nghề kinh doanh của DRI theo hướng như sau:
Bỏ mã ngành 0221-Khai thác gỗ;
2. Cam kết không thực hiện các nội dung đối với mã ngành sau bao gồm cả thời gian từ khi đăng ký giấy phép hoạt động đầu tiên đến thời điểm hiện nay:

2.1. Mã ngành 6801 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê): Cam kết không thực hiện nội dung: “Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng” là ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc Mục A.7 phụ lục I ban hành kèm theo NĐ 31/2021/NĐ-CP

2.2. Mã ngành 4659 (Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su, sản xuất nông nghiệp; Mã ngành 4620 (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống, chi tiết: Bán buôn mủ cao su và nông sản; Bán buôn cây giống cao su và cây công nghiệp khác): Cam kết không thực hiện nội dung: “Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực

kiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết” là ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc Mục A.16 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Giao cho HĐQT Công ty, triển khai các thủ tục sửa đổi Giấy phép kinh doanh và đăng ký với UBCK Nhà nước theo quy định.

Kính trình Quý cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận: *Thael*

- Như kính gửi.

- Lưu: VT, HĐQT, BKS.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Buôn Ma Thuột, ngày 19 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
NĂM 2022

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 19/4/2022 tại Hội trường Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc, địa chỉ 59 Cao Thắng, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắc Lắc, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 6001271719, tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo hình thức trực tuyến.

Thành phần tham dự cuộc họp:

1. Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Viết Tượng - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Bùi Quang Ninh - Phó CT. HĐQT;
- Ông Lê Thanh Cần - TV. HĐQT kiêm TGD;
- Bà Nguyễn Kim Hoa - TV. HĐQT;
- Bà Nguyễn Thị Hải - TV. HĐQT kiêm phó TGD;
- Ông Nguyễn Trần Giang - TV. HĐQT;
- Ông Nguyễn Minh - TV. HĐQT.

2. Ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Thạc Hoàn - Trưởng ban KS;
- Ông Phan Thanh Tân - Thành viên;
- Ông Nguyễn Văn Thảo - Thành viên.

3. Ban điều hành

- Ông Lê Thanh Cần - Tổng giám đốc;
- Bà Nguyễn Thị Hải - Phó TGD;
- Ông Lê Thanh Cường - Kế toán trưởng.

4. Đại diện các Công ty con:

5. Công ty Kiểm toán AFC Việt Nam

6. Sự tham dự của cổ đông và ủy quyền

PHẦN I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Nguyễn Thạc Hoàn Trưởng ban kiểm soát thông qua biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp như sau:

+ Tổng số cổ đông được mời theo danh sách chốt cổ đông thời điểm 21/3/2022 là..... cổ đông đại diện cho 73.200.000 cổ phần

+ Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền : cổ đông;

+ Đại diện cho : cổ phần;

+ Đạt %/ Tổng vốn điều lệ

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật DN cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đủ điều kiện để tiến hành.

2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất bầu đoàn chủ tịch gồm:

- | | |
|-------------------------|---------------------------|
| - Ông Nguyễn Viết Tượng | - Chủ tịch HĐQT, chủ tọa; |
| - Ông Bùi Quang Ninh | - Phó CT. HĐQT; |
| - Ông Lê Thanh Cần | - Tổng Giám đốc. |

Chủ tọa đề cử Ban Thư ký gồm:

- | | |
|--------------------------|-------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Hải | - Phó TGD, Thư ký HĐQT; |
| - Bà Bùi Thị Tuyết Nhung | - TBP. HCNS. |

3. Ông Nguyễn Viết Tượng, CT. HĐQT thông qua diễn văn khai mạc,

4. Ông Bùi Quang Ninh: thông qua chương trình và quy chế làm việc, quy chế biểu quyết, quy chế bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thay mặt đoàn chủ tịch giới thiệu Ban kiểm phiếu. ĐHĐCĐ thống nhất bầu Ban kiểm phiếu như sau:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| 1. Ông Lê Thanh Cường | - Trưởng ban |
| 2. Bà Đỗ Thị Ninh | - TV, Thư ký |
| 3. Ông Trần Văn Tính | - Thành viên |

PHẦN II. THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH: (có các báo cáo kèm theo)

1. Ông Nguyễn Viết Tượng, chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2022 và kế hoạch hoạt động năm 2022, nhiệm kỳ 2022-2027;

2. Ông Lê Thanh Cần, Tổng giám đốc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;

3. Ông Nguyễn Thạc Hoàn, Trưởng ban kiểm soát trình bày báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021 và phương hướng năm 2022, nhiệm kỳ 2022-2027;

4. Ông Bùi Quang Ninh, phó CT.HĐQT DRI, trình bày tóm tắt Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán AFC .

5. Ông Nguyễn Viết Tượng trình bày các nội dung xin ý kiến biểu quyết gồm:

- 1) Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 thông qua một số chỉ tiêu sxkd 5 năm (2022-2026);
- 2) Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 thông qua chỉ tiêu sxkd năm 2022;
- 3) Tờ trình số 09 /TTr-HĐQT ngày 18 /3/2022 về phân phối lợi nhuận năm 2021;
- 4) Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 Thù lao HĐQT, Ban KS năm 2022;
- 5) Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 18 /3/2022 Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2022;
- 6) Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 về sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;
- 7) Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 về thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty;

6. Phần thảo luận:

@/Các ý kiến của Cổ đông

@/Đoàn chủ tịch trả lời chất vấn cổ đông như sau:

7. Ông Lê Thanh Cường, trưởng ban kiểm phiếu thông qua quy chế và hướng dẫn biểu quyết các chỉ tiêu chính của cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, Đại hội thực hiện biểu quyết các chỉ tiêu trong phiếu biểu quyết,

8. Công bố kết quả biểu phiếu.

TT	Nội dung biểu quyết	% Tán thành	% Không TT	% Không YK
1	<p>Biểu quyết thông qua các báo cáo tại Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, nhiệm kỳ (2017-2022), phương hướng năm 2022, nhiệm kỳ (2022-2027); - Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng 2022; - Tóm tắt BCTC kiểm toán năm 2021 thực hiện bởi Công ty kiểm toán AFC; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ (2017-2022), phương hướng năm 2022, nhiệm kỳ (2022-2027). 			
2	Biểu quyết thông qua Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 thông qua một số chỉ tiêu sxkd 5 năm (2022-2026);			
3	Biểu quyết thông qua Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 thông qua chỉ tiêu sxkd năm 2022			
4	Biểu quyết thông qua Tờ trình số 09 /TTr-HĐQT ngày 18 /3/2022 về phân phối lợi nhuận năm 2021;			
5	Biểu quyết thông qua Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 Thù lao HĐQT, Ban KS năm 2022			
6	Biểu quyết thông qua Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2022;			
7	Biểu quyết thông qua Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 về sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;			
8	Biểu quyết thông qua Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 về thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty;			

9. Ông Nguyễn Viết Tượng phát biểu về kết quả giới thiệu nhân sự của cổ đông lớn, nhóm cổ đông, HĐQT nhiệm kỳ 2 và định hướng đề bầu cử HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2022-2027). Tổng hợp nhân sự ứng cử, đề cử làm thành viên HĐQT, BKS như sau:

9.1 Danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: (xếp theo ABC)

Stt	Họ & tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

9.2 Danh sách đề cử, ứng cử Ban kiểm soát: (xếp theo ABC)

Stt	Họ & tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn
1			
2			
3			

10. Ông Lê Thanh Cường hướng dẫn bầu cử, đại hội tiến hành bầu cử HĐQT, BKS

11. Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử:

11.1. Kết quả bầu cử HĐQT:

Stt	Họ & tên	Tỷ lệ số phiếu bầu	Kết quả
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

11.2. Kết quả bầu cử BKS:

Stt	Họ & tên	Tỷ lệ số phiếu bầu	Kết quả
1			
2			
3			

(Biên bản kiểm phiếu đính kèm)

12. Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2022-2027)

12.1. Danh sách thành viên HĐQT: (xếp theo ABC)

Stt	Họ & tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

12.2. Danh sách đề cử, ứng cử Ban kiểm soát: (xếp theo ABC)

Stt	Họ & tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn
1			
2			
3			

13. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2022-2027) ra mắt và nhận nhiệm vụ

14. Trao hoa và quà những thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2 không tái cử

15. Đọc Quyết định khen thưởng và khen thưởng nhiệm kỳ 2.

PHẦN III. BẾ MẠC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Ban thư ký đã đọc và thông qua Biên bản, Nghị quyết trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Thường niên của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk năm 2022 và được Đại hội thống nhất 100 % số cổ phiếu có cổ đông tham dự tại cuộc họp.

Biên bản và nghị quyết cùng các tài liệu liên quan sẽ được đăng trên Website Công ty tại địa chỉ <http://www.dri.com.vn>.

2. Ông Nguyễn Việt Trọng tuyên bố bế mạc Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Biên bản được lập vào lúc giờ phút ngày 19/4/2022 ngay sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kết thúc chương trình nghị sự.

TM. BAN THƯ KÝ

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK NĂM 2022**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, theo hình thức trực tuyến của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk bắt đầu lúc 8 giờ 00 ngày 19/4/2022 tại Hội sở Công ty số 59 Cao Thắng, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, với sự có mặt cổ đông tham dự và ủy quyền, đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết chiếm % tổng số cổ phần của công ty DRI, đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ngày 19/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất thông qua các báo cáo sau đây:

1. Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2021, nhiệm kỳ 2 (2017-2021) và phương hướng nhiệm vụ năm 2022, nhiệm kỳ 3 (2022 -2027);
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng năm 2022 của Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm năm 2021, nhiệm kỳ 2 (2017-2021) và phương hướng nhiệm vụ năm 2022, nhiệm kỳ 3 (2022-2027);
4. Báo cáo Tài chính 2021 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AFC;

Điều 2. Thống nhất thông qua các tờ trình sau đây:

1. Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 thông qua một số chỉ tiêu sxkd 5 năm (2022-2026);
2. Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 thông qua chỉ tiêu sxkd năm 2022;
3. Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 18 /3/2022 về phân phối lợi nhuận năm 2021;

4. Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 Thù lao HĐQT, Ban KS năm 2022;
5. Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2022;
6. Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 18 /3/2022 về sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;
7. Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 18/3/2022 về thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty;

Điều 3. Đại hội đã bầu các ông/bà sau vào HĐQT nhiệm kỳ 3 (2022-2027), gồm:

Điều 4. Đại hội đã bầu các ông/bà sau vào BKS nhiệm kỳ 3 (2022-2027), gồm:

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk giao cho HĐQT hoàn chỉnh và ban hành các văn bản có liên quan; chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2022 theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; giao cho Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và giám sát, kiểm soát việc tổ chức thực hiện các nội dung tại Nghị quyết này.

Kèm theo Nghị quyết này bao gồm các văn bản đã trình ra ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100 % trên số các cổ đông dự họp và có hiệu lực từ ngày ký ban hành, kèm theo Nghị quyết này là các văn bản nêu tại Điều 1, 2 nói trên.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, Ban điều hành Cty;
- UBCKNN, VSD, Web Cty;
- Lưu VT.

**NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT**